

**TỔNG CÔNG TY SX-XNK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**BÌNH DƯƠNG – CTCP**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/BC-HĐQT

Bình Dương, ngày 14 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2024**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN.
- Tên tiếng anh: BINH DUONG PRODUCING AND TRADING CORPORATION.
- Tên viết tắt: PROTRADE CORP.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 3700148166 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần 09 ngày 07/06/2024.

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.000.000.000.000 đồng tại ngày 31/12/2024.
- Địa chỉ: A128, đường 3-2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0274) 3755243
- Email: info@protrade.com.vn
- Website: www.protrade.com.vn
- Mã cổ phiếu: PRT
- Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
1982	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2 Sông Bé, được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-TU ngày 20/10/1982 của Tỉnh ủy Sông Bé. Nguồn vốn hoạt động ban đầu của xí nghiệp là 4.000.000 đồng, sản phẩm chủ lực là dép xốp cao su đi biển.
1983	Công ty xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày, đồng thời mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cưa, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dép để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đổi lưu gồm những mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.
2002	Từ số vốn ban đầu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) sau hơn 20 năm hoạt động,



Năm	Sự kiện
	tổng số vốn của Công ty là 271.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một tỷ đồng), tăng 67.750 lần so với ban đầu.
2006	UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 134/QĐ/ UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.
2010	UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục ban hành Quyết định số 2964/ QĐ- UBND ngày 04/10/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.
2015	Ngày 18/12/2015, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3332/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất –Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.
2017	Ngày 28/12/2017, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3706/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa. Theo đó, vốn điều lệ của công ty cổ phần là 3.000.000.000.000 đồng.
2018	Ngày 26/10/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương –Công ty cổ phần. Ngày 01/11/2018, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.
2019	Tổng Công ty Sản xuất –Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 2334/UBCK-GSĐC ngày 11/04/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2020 -nay	Với truyền thống đoàn kết, dám nghĩ dám làm luôn học hỏi và nâng cao năng lực. Cùng với đội ngũ lãnh đạo trẻ tràn đầy nhiệt huyết. Tổng công ty đã và đang vượt qua những thách thức của giai đoạn mới. Phần đầu đóng góp cho tỉnh nhà nhiều công trình mới, giải quyết việc làm cho nhiều lao động và tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ cho xã hội. Tổng Công ty không ngừng phát triển, vươn lên mạnh mẽ, khẳng định vị thế là một trong ba Tổng Công ty dẫn đầu tỉnh Bình Dương. Với nỗ lực đóng góp to lớn, Tổng Công ty mục tiêu đưa tỉnh Bình Dương trở thành địa phương đi đầu cả nước về phát triển kinh tế và thu hút đầu tư..

– Các hình thức khen thưởng tiêu biểu:

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã nhận được nhiều Huân chương của Chủ tịch nước:

- Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984.
- Huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985.
- Huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 cho

các thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **a. Ngành nghề kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh.**

#### **Nhóm ngành nghề nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan:**

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa.
- Trồng cây ăn quả.
- Trồng cây cao su.
- Trồng cây lâu năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm.
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm.

#### **Nhóm ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản:**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

#### **Nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập**

**trung:**

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế.
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu.
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng.
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện.

#### **Nhóm ngành nghề bán buôn:**

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

#### **Nhóm ngành nghề dịch vụ lưu trú:**

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

#### **Nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf)**

- Hoạt động của các cơ sở thể thao.
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

#### **Nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi:**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**Nhóm cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính:**

- Cho thuê xe có động cơ.

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

**Nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (Khu công nghiệp):**

- Xây dựng nhà để ở.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

**Nhóm ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy**

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.

**Nhóm ngành nghề sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic:**

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

**Nhóm ngành nghề sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí:**

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá.

**Nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm:**

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

**Nhóm ngành nghề sản xuất trang phục:**

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

**Nhóm ngành nghề khai thác khoáng; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất từ kim loại đúc sẵn:**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.
- Casting và hoàn thiện đá.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng.
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.

**Nhóm ngành nghề lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế:**

- Khai thác gỗ.



- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

#### **b. Các lĩnh vực hoạt động chủ lực:**

##### **Đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp**

Khu công nghiệp Quốc Tế Protrade tọa lạc tại Xã An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 500ha, tổng vốn đầu tư là 150 triệu USD, trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 30 triệu USD. Với 2 dịch vụ chính: cho thuê đất đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cho thuê nhà xưởng xây theo tiêu chuẩn. Đến nay hàng trăm doanh nghiệp đã đăng ký đầu tư, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Với khu công nghiệp này, Protrade đã và đang góp phần thiết thực trong việc gia tăng các chỉ số: CPI (năng lực cạnh tranh), FDI (thu hút đầu tư nước ngoài), chỉ số xuất nhập khẩu và góp phần tăng tỷ trọng ngành kinh tế công nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh Bình Dương.

##### **Dịch vụ Golf & Resort**

Sở hữu 3 sân golf lớn ở Bình Dương: Sông Bé Golf Resort, Twin Doves Golf Club, Harmonie Golf Park.

- *Sông Bé Golf Resort*: là sân golf 27 hố đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên ở Việt Nam, được xếp hạng theo tiêu chuẩn của USGA. Nơi đây không chỉ là một sân golf đơn thuần mà đồng thời là khu sinh thái nghỉ dưỡng độc đáo, đã thu hút nhiều golfer từ khắp nơi trên thế giới.

- *Twin Doves Golf Club*: tổng diện tích 165ha nằm trong khu đô thị mới Bình Dương. Twin Doves Golf Club đã xây dựng sân Golf 27 hố và club house tiêu chuẩn quốc tế. Trong tương lai sẽ tiếp tục thi công khách sạn 5 sao, khu biệt thự, nhà cao tầng, trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm hội nghị và trường học quốc tế.

- *Harmonie Golf Park*: Với tổng diện tích là 90 ha. 18 hố golf được thiết kế không những đẹp hoàn hảo mà còn đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế bởi Jim Engh – Một nhà thiết kế tài ba và nổi tiếng đến từ Colorado – Mỹ với các công trình độc đáo.

##### **Chế biến sữa**

FrieslandCampina Việt Nam không chỉ cung cấp cho người dân mỗi năm hơn 1,5 tỷ sản phẩm sữa chất lượng cao, với các nhãn hiệu đã được người dân Việt Nam tin yêu như Dutch Lady, Friso, YoMost, Fristi, Complete... mà còn tạo ra nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp cho người lao động tại Việt Nam, tích cực khởi xướng và tham gia vào các hoạt động tạo lập giá trị chung cho cộng đồng. Sự đóng góp của FrieslandCampina Việt Nam cho đất nước Việt Nam đã được chính phủ và cộng đồng đánh giá cao. Với hơn 140 năm kinh nghiệm trong ngành sữa với tiêu chuẩn Hà Lan, Dutch Lady luôn hướng đến việc cho ra đời những sản phẩm sữa chất lượng cao, giàu dưỡng chất cho mọi thành viên trong gia đình.

##### **May mặc**

Là ngành xuất nhập khẩu chủ lực của Protrade. Sản phẩm cung cấp cho thị





trường Châu Âu, Châu Mỹ với các thương hiệu nổi tiếng: Buckle, Rock Revival, Eunina, , Olymp, Miss Me, .... Bình quân mỗi năm, Công ty đã xuất khẩu trên 4 triệu sản phẩm với nhiều chủng loại: quần jeans 62%, áo sơ mi 38%, Công ty cũng đã thực hiện các quy trình quản lý và quy trình sản xuất đạt được các tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

### **Logistics**

Về lĩnh vực Logistics, năm 2009 Protrade đã liên doanh với YCH Singapore với tổng vốn đầu tư 283.624.687.500 VND (tương đương 14 triệu USD, trong đó Protrade chiếm 30%. Với quy mô nhà xưởng tổng diện tích là 6,9 ha sức chứa gần 50.000 tấm nâng hàng (pallet), đã đưa vào hoạt động tháng 01/2010. Hiện nay, YCH Protrade đã mở rộng chi nhánh, kho và văn phòng đại diện tại Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên. Các khách hàng lớn gồm có: Friesland Campina Việt Nam, Pepsi, Amore Pacific, Carbergs, Dell, Philips, Puma, Decathlon, ....

### **Dịch vụ chăm sóc sức khỏe**

Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc với tổng giá trị đầu tư trên 1.000 tỷ đồng, quy mô 260 giường bệnh. Đây là bệnh viện đầu tiên tại Việt Nam hoạt động theo chuẩn Singapore. Với cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ bác sỹ có kiến thức chuyên sâu, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao, đã và đang là sự lựa chọn hàng đầu cho phụ nữ và trẻ em tỉnh Bình Dương và nhiều tỉnh thành khác.

### **Trồng và chế biến mủ cao su**

Protrade sở hữu nhiều đồn điền cao su rộng lớn tại Lào. Với kế hoạch trồng mới 20.000 ha cao su. Đến nay, dự án đã triển khai giai đoạn 1 với diện tích 10.000 ha tại 02 tỉnh Champasak và Salavan. Sản phẩm chủ lực gồm có cao su SVR 3L, SVR 10, CV. Thị trường tiêu thụ: Hàn Quốc, Malaysia, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc và công ty sản xuất lốp xe hàng đầu Việt Nam là công ty cao su Đà Nẵng. Bên cạnh ý nghĩa lớn lao về phát triển kinh tế, dự án này còn mang ý nghĩa lớn về mặt chính trị, góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh quan hệ ngoại giao và củng cố tình đoàn kết giữa hai nước Việt – Lào.

### **Chế biến gỗ**

Tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương là cây cao su đã qua thời gian cho mủ, Protrade sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng gỗ gia dụng sang thị trường Nhật Bản. Sản phẩm đa dạng, bao gồm: tủ, bàn, ghế, giường nằm,... Sản lượng xuất khẩu bình quân hàng năm khoảng 2.200 container được khách hàng Nhật Bản độc quyền bao tiêu sản phẩm.

### **c. Địa bàn kinh doanh:**

Tổng Công ty tập trung hoạt động chính tại tỉnh Bình Dương, đồng thời mở rộng đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

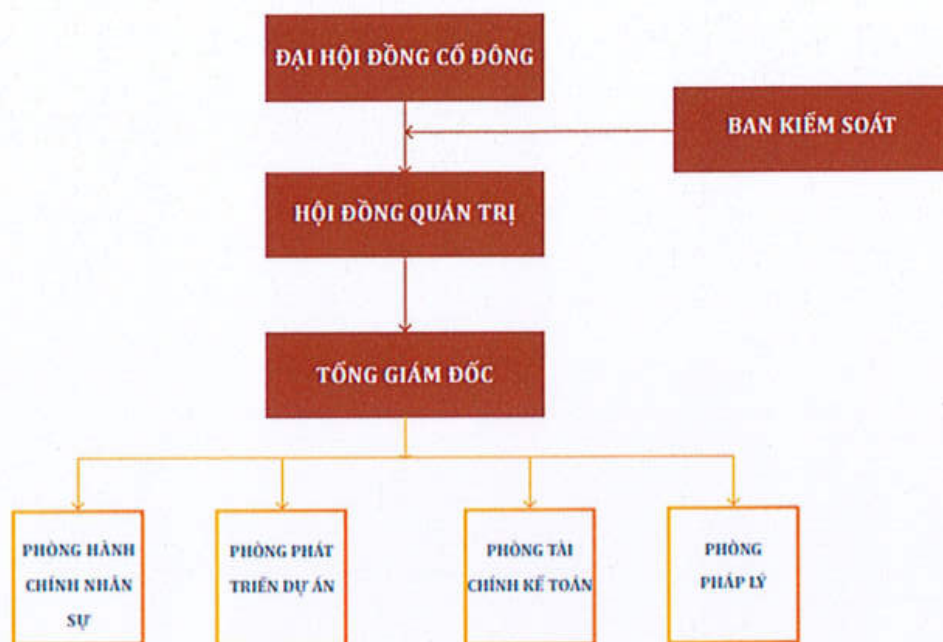
#### **a. Mô hình quản trị:**

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

1014  
G CÒN  
N XU  
NHAI  
IH DU  
ÔNG  
Ổ PH  
AN-T.



## b. Cơ cấu bộ máy quản lý:



## c. Các công ty con, công ty liên kết:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<b>Công ty con</b>						
1	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Tổng Hợp Thuận An	90 Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Bình Dương	Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tiểu thủ công nghiệp, bách hóa, thực phẩm, xăng dầu,...	9.950.000.000 VNĐ	62,68 %	62,68 %
2	Công Ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	77 đại lộ Bình Dương, Thành phố Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...	915.047.144.712 VNĐ	100%	100%
3	Công Ty TNHH Mtv Giấy Vĩnh Phú	Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm	84.522.691.475 VNĐ	100%	100%

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
			khác từ giấy....			
4	Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	An Tây, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN,...	621.240.000.000 VNĐ	100%	100%
5	Công Ty Cổ Phần Cao Su Dầu Tiếng Việt - Lào	Khu phố 3, Thị trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương	Trồng và chế biến mủ cao su	700.000.000.000 VNĐ	50,5%	50,5%
<b>Công ty liên kết</b>						
1	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Phú Mỹ	P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..	55.000.000 USD	35%	35%
2	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Phường Vĩnh Phú, TP Thuận An, Bình Dương	Hoạt động lĩnh vực y tế...	1.224.794.000.000 VNĐ	24%	24%
3	Công Ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...	480.000.000.000 VNĐ	41,74 %	30%
4	Công Ty TNHH Frieslandcampina Việt Nam	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.	294.906.142.000 VNĐ	30%	30%
5	Công Ty Cổ Phần Hưng Vượng	Nguyễn Văn Tiét, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...	150.000.000.000 VNĐ	30,9%	30,9%
6	Công Ty TNHH YCH – Protrade	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh vận tải, kho vận...	162.071.250.000 VNĐ (tương đương 8.000.000 USD)	30%	30%



Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
7	Công Ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương	KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TP Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...	247.999.200.000 VNĐ	47,71 %	47,71 %

#### 4. Định hướng phát triển:

##### a. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi:

❖ **Tầm nhìn:** Trở thành đối tác quan trọng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới thị trường các nước trong khu vực Đông Nam Á, châu Á, châu Âu và vươn tới cả thế giới. Tiếp tục đa dạng nhóm ngành hàng để mở rộng quy mô về nhân lực, cơ sở vật chất và nhóm sản phẩm. Trong tương lai, Protrade còn mở rộng sang lĩnh vực tài chính để phát triển đa dạng và toàn diện hơn.

❖ **Sứ mệnh:** Tạo ra những sản phẩm, dịch vụ tiện ích, chất lượng cao phục vụ đời sống con người, góp phần phát triển kinh tế và xây dựng đất nước giàu mạnh. Đồng thời, tối đa hóa giá trị vốn chủ sở hữu và cố gắng mang lại nguồn lợi hiệu quả nhất từ việc sử dụng vốn.

❖ **Giá trị cốt lõi:** Phát huy thế mạnh sẵn có của địa phương để tạo ra các giá trị phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Đồng thời, nỗ lực đem lại công ăn việc làm cho người dân địa phương, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và từng bước giúp công nhân viên, cán bộ công ty nâng cao chất lượng đời sống.

##### b. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Khẳng định thương hiệu công ty, đồng thời mở rộng phát triển thị trường, không chỉ trong nước mà còn quốc tế.
- Định hướng trở thành một Tập đoàn đa ngành nghề, đa lĩnh vực vững mạnh, dựa trên những thế mạnh hiện tại của Công ty.
- Duy trì phát huy các lĩnh vực sẵn có. Đẩy mạnh phát triển và tập trung vào phân khúc cao cấp, mang lại giá trị cao và ít bị cạnh tranh.
- Chú trọng đổi mới công nghệ, ứng dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện trình độ chuyên môn, công tác.
- Nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm duy trì sự phát triển liên tục, ổn định và vững chắc.

##### c. Chiến lược phát triển trung dài hạn:

Trước bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, Tổng công ty xác định chiến lược phát triển giai đoạn 2025–2030 theo hướng thận trọng nhưng chủ động tận dụng các cơ hội tăng trưởng. Hội đồng Quản trị đề ra các định hướng chiến lược trọng tâm sau:

❖ **Tái cấu trúc hệ thống quản trị và mô hình hoạt động:** Tổ chức lại bộ máy của Tổng công ty và các công ty con theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều hành và quản lý.



❖ **Nâng cao hiệu quả giám sát và sử dụng vốn đầu tư:** Tăng cường kiểm tra, kiểm soát tại các công ty con, công ty liên kết thông qua cơ chế đề cử kiểm soát viên và đẩy mạnh vai trò giám sát của các đại diện vốn, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực và tối ưu hóa lợi nhuận.

❖ **Sàng lọc và cơ cấu lại danh mục đầu tư:** Rà soát toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh và khoản đầu tư hiện có, nhằm định hướng thoái vốn ở những đơn vị không hiệu quả và tập trung phát triển các ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng bền vững.

❖ **Phát triển lĩnh vực bất động sản đô thị và dịch vụ:** Từng bước triển khai các dự án trọng điểm như Trung tâm hội nghị quốc tế và nhà hàng khách sạn tại Sân Golf Sông Bé, định vị lại thương hiệu và mở rộng sang lĩnh vực bất động sản gắn với quy hoạch đô thị.

❖ **Phát triển bền vững và mở rộng nông nghiệp:** Thực hiện tái canh và mở rộng vùng trồng cao su tại Lào, theo định hướng phát triển nông nghiệp bền vững và gia tăng giá trị sản phẩm.

❖ **Di dời và hiện đại hóa cơ sở sản xuất:** Thực hiện lộ trình di dời các nhà máy ra khỏi khu dân cư, phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển công nghiệp tập trung.

❖ **Xây dựng chiến lược phát triển 5 năm (2025–2030):** Hoàn thiện kế hoạch trung hạn làm cơ sở cho các quyết sách quan trọng, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực mới có tính bền vững, thân thiện môi trường và tạo giá trị gia tăng cho cổ đông.

**d. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Xử lý nguồn nước, chất thải theo đúng quy định, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Quan tâm đến đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho cán bộ, công nhân viên. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, an toàn, để người lao động phát huy thể mạnh của bản thân, góp phần vào sự phát triển ngày một vững mạnh cho Tổng Công ty.

## **5. Các rủi ro:**

### **a. Rủi ro kinh tế:**

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn phục hồi chậm sau những biến động kéo dài, nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều bất ổn và rủi ro tiềm ẩn. Căng thẳng địa chính trị leo thang ở Ukraine, Trung Đông; cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn ngày càng quyết liệt, trong khi các chính sách bảo hộ thương mại được nhiều quốc gia áp dụng mạnh mẽ hơn. Bên cạnh đó, áp lực từ gia tăng nợ công, thâm hụt ngân sách, tình trạng khủng hoảng của một số nền kinh tế lớn và sự gián đoạn cục bộ trong chuỗi cung ứng toàn cầu đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai và điều kiện thời tiết cực đoan tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân và sự phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới đang từng bước ổn định hơn khi thương mại hàng hóa có dấu hiệu phục hồi, áp lực lạm phát dần được kiểm soát, thị trường tài chính



được điều chỉnh theo hướng nói lỏng và thị trường lao động cho thấy tín hiệu phục hồi tích cực.

Tại thời điểm cuối năm, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Liên minh châu Âu (EU) đều dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, giữ nguyên so với dự báo đưa ra trước đó;; Liên hợp quốc (UN) nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2024, tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024. Mặc dù bối cảnh kinh tế khó khăn, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những kết quả khả quan khi GDP cả năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Việc GDP tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước cho thấy nền kinh tế đang trong xu hướng phục hồi mới. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 14,3% so với năm 2023.

Cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn cùng với các xung đột chính trị kéo dài đã dẫn đến khủng hoảng năng lượng và lương thực tại một số quốc gia, đặc biệt là ở châu Âu – một trong những thị trường xuất khẩu trọng điểm của Protrade. Những bất ổn này đã gây ra gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, kéo theo sự biến động mạnh về giá xăng dầu, năng lượng, hàng hóa cơ bản, nguyên vật liệu, cước vận tải và chi phí logistics. Là một doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu lớn và thị trường chủ yếu là các quốc gia phân bố tại Châu Mỹ, Châu Âu và Châu Á; các biến động trong môi trường kinh tế toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Protrade và các công ty con, liên kết trong cùng hệ sinh thái.

Mặc khác, ngành cao su trong năm 2024 ghi nhận nhiều điểm sáng với giá cao su xuất khẩu tăng cao, góp phần đẩy kim ngạch xuất khẩu toàn ngành tăng 18,2% so với năm 2023. Tính cả xuất khẩu sản phẩm cao su (lốp xe, găng cao su...) và gỗ cao su, tổng giá trị xuất khẩu của toàn ngành năm 2024 đạt con số kỷ lục là 10,2 tỷ USD. Giá cao su duy trì ở mức cao chủ yếu nhờ sự gia tăng nhu cầu trong ngành sản xuất lốp xe và thiết bị công nghiệp toàn cầu. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường đứng đầu trong tất cả các thị trường tiêu thụ cao su Việt Nam, chiếm 72% về lượng và 71% kim ngạch xuất khẩu cao su trong năm 2024. Ngành công nghiệp ô tô của Trung Quốc, nơi tiêu thụ một lượng lớn cao su, được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2025, do nhu cầu cao từ cả thị trường nội địa và các quốc gia xuất khẩu. Điều này mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp cao su Việt Nam, bao gồm Protrade, khi nhu cầu từ Trung Quốc tiếp tục gia tăng sẽ góp phần đẩy giá cao su xuất khẩu tăng lên.

#### **b. Rủi ro lãi suất**

Trước diễn biến tình hình kinh tế, chính trị thế giới nhiều biến động phức tạp, khó lường, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi tăng trưởng, lạm phát được kiểm soát ở mức ổn định. Trong năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023 và kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất tái chiết khấu, tái cấp vốn ở mức thấp tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay trên thị trường. Tính đến cuối năm 2024, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng thương mại đều dưới mức 6%, các ngân hàng thương mại lớn đều đưa lãi suất này về mức xấp xỉ 4,7%-5,7%.

Trong bối cảnh áp lực giá cả giảm trên diện rộng, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và



Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều nhận định lạm phát chung tiếp tục giảm ở hầu hết các quốc gia trong năm 2024 do giá thực phẩm, năng lượng và hàng hóa giảm mạnh. Trong báo cáo tháng 10/2024, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tốc độ lạm phát toàn cầu năm 2024 giảm còn 5,8%, từ mức 6,7% của năm 2023 và sẽ tiếp tục hạ về 4,3% vào năm 2025. Các ngân hàng trung ương lớn toàn cầu như Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), Ngân hàng Trung ương Anh (BOE), Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ (SNB)... đều đã khởi động chu kỳ nới lỏng, cắt giảm lãi suất do lạm phát đang tiến gần đến mục tiêu 2%. Trong kỳ họp tháng 12/2023, FED chính thức giảm lãi suất lần thứ 3 liên tiếp trong năm, hạ lãi suất tham chiếu Mỹ về 4,25%-4,5%. Đồng thời, Cùng với đó, ngân hàng trung ương các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển cũng bắt đầu giảm lãi suất theo. Việc cắt giảm lãi suất trên toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2025, nhưng mức độ giảm sẽ tùy thuộc vào mỗi nền kinh tế cụ thể.

Tuy nhiên, trong bối cảnh các chính sách bảo hộ thương mại được triển khai mạnh mẽ, lạm phát tại Mỹ có thể gia tăng trở lại, khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) thắt chặt chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát. Từ đó có thể dẫn đến sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư khỏi các thị trường mới nổi, bao gồm Việt Nam. Trước diễn biến này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể phải thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất điều hành lên 4,75% vào cuối năm 2025 và 5% vào năm 2026 nhằm ổn định tỷ giá và kiểm soát dòng vốn. Việc lãi suất tăng có thể kéo theo chi phí vay vốn gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền, chi phí tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp con của Protrade

### **c. Rủi ro tỷ giá**

Năm 2024, thị trường tiền tệ toàn cầu chứng kiến những biến động mạnh do tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và căng thẳng chính trị. Chính sách lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), xu hướng nới lỏng tiền tệ tại châu Âu và châu Á, cùng với những bất ổn thương mại giữa các nền kinh tế lớn đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong cân bằng cung - cầu ngoại hối. Tại Việt Nam, tỷ giá trung tâm duy trì ổn định nhờ chính sách điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Việc can thiệp ngoại tệ hợp lý, kết hợp với điều chỉnh linh hoạt chính sách tiền tệ, đã giúp hạn chế áp lực biến động bất thường lên tỷ giá thị trường, đồng thời đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Là một doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu lớn và thị trường phân bố rộng khắp Châu Mỹ, Châu Âu và Châu Á, những biến động của tỷ giá hối đoái tác động trực tiếp đến biên lợi nhuận của PRT cùng các công ty con và công ty liên kết.

### **d. Rủi ro cạnh tranh**

Với mô hình hoạt động đa ngành, Tổng Công ty đang phải đối mặt với những rủi ro cạnh tranh không chỉ trong từng ngành riêng biệt mà còn từ những yếu tố bao trùm ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực mà công ty tham gia. Năm 2024 đánh dấu giai đoạn Chính phủ Việt Nam thực hiện cải cách mạnh mẽ các chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Sự gia tăng các chính sách đầu tư công, cải cách đất đai, và chuyển đổi số có thể tạo ra cơ hội lớn cho PRT trong việc phát triển các dự án



hạ tầng khu công nghiệp và logistics. Tuy nhiên, sự thay đổi này cũng mang lại rủi ro, đặc biệt là khi các đối thủ cạnh tranh cũng đang tận dụng cơ hội từ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Bên cạnh đó, Các xu hướng như hội nhập kinh tế quốc tế, sự chuyển dịch của chuỗi cung ứng toàn cầu, và sự phục hồi của các ngành công nghiệp sau đại dịch sẽ khiến các công ty trong nước phải cạnh tranh không chỉ với doanh nghiệp nội địa mà còn với các đối tác quốc tế có tiềm lực mạnh mẽ.

#### **e. Rủi ro chính sách**

Là một doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, Tổng Công ty có thể đối mặt với một số rủi ro liên quan đến chính sách. Hiện tại, đại diện của nhà nước vẫn nắm giữ tỷ lệ sở hữu chi phối lên đến gần 61% vốn điều lệ, điều này tiếp tục tạo ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản lý và ra quyết định của Tổng Công ty. Mặc dù hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và phải tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Tổng Công ty vẫn phải áp dụng những quy định đặc thù dành cho doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối. Sự khác biệt trong các quy định này có thể gây khó khăn trong việc điều hành và ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định nhanh chóng và linh hoạt. Vì vậy, Tổng Công ty cần có những biện pháp phù hợp để điều phối giữa việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý và duy trì hiệu quả quản trị, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng thích ứng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh.

#### **g. Rủi ro chiến lược**

Là một Tổng Công ty với hoạt động kinh doanh chủ yếu là đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị này có ảnh hưởng trực tiếp đến cổ tức và lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được, cũng như có thể dẫn đến các khoản lỗ nếu hoạt động của các đơn vị này không đạt kỳ vọng.

Với chiến lược đầu tư đa dạng, Tổng Công ty đang tiếp tục tìm kiếm những cơ hội sinh lời hiệu quả và bền vững trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Trước và sau cổ phần hóa, các ngành nghề mà Tổng Công ty đầu tư đều nằm trong những lĩnh vực mà công ty có nhiều kinh nghiệm lâu dài, bao gồm dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thể thao giải trí cao cấp, may mặc, chế biến gỗ, chế biến giấy bao bì, và cho thuê hạ tầng khu công nghiệp. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn định hướng mở rộng đầu tư vào lĩnh vực bất động sản quanh các sân golf, nhằm tận dụng tiềm năng phát triển của thị trường này.

Trong số các ngành nghề này, có những lĩnh vực đòi hỏi mức đầu tư lớn và thời gian hoàn vốn dài, điều này có thể tạo ra áp lực về nợ vay và dòng tiền cho Tổng Công ty trong ngắn hạn và trung hạn. Nhận thức rõ về những rủi ro này, Tổng Công ty luôn chú trọng vào việc xây dựng chiến lược quản lý danh mục đầu tư hiệu quả, thận trọng trong việc đánh giá và triển khai các dự án đầu tư, đồng thời tiếp nhận tư vấn từ các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành để đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận và bảo toàn giá trị lâu dài cho công ty.

#### **h. Rủi ro khác**

Mặc dù có một số ít rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, những sự kiện này có thể gây ra những tổn thất nghiêm trọng và không lường trước được. Để giảm thiểu tác động của các rủi ro này và các yếu tố bất lợi khác, Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý liên quan đến phòng



cháy chữa cháy, các biện pháp cứu nạn cứu hộ, và bảo đảm vệ sinh an toàn lao động. Bên cạnh đó, công ty cũng chủ động tính toán xác suất các rủi ro có thể xảy ra và chuẩn bị trước các gói bảo hiểm toàn diện cho tài sản và con người, nhằm bảo vệ tối đa các nguồn lực quan trọng và giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp xảy ra sự cố ngoài ý muốn. Chính sách này giúp Tổng Công ty duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 124,6 tỷ đồng, tương ứng 95% so với kế hoạch đề ra. Trong đó:

**Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 53,9 tỷ đồng so với kế hoạch năm, tương ứng 15%, chủ yếu do sự suy giảm kết quả sản xuất kinh doanh của PICL. Tình hình kinh doanh năm 2024 của PICL không đạt được theo như kế hoạch kỳ mong, lợi nhuận gộp giảm 104 tỷ đồng, tương ứng 48%.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của DTL lại đạt được kết quả rất tích cực, lợi nhuận gộp tăng 57,8 tỷ đồng, tương ứng 68%. Giá bán cao su bình quân trong năm 2024 là 46 triệu đồng/tấn, tăng 16 triệu đồng/tấn so với năm 2023 (30 triệu đồng/tấn) dẫn đến lợi nhuận gộp của DTL vẫn vượt kế hoạch đề ra.

**Phân lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết:** Phân lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết giảm 21,9 tỷ đồng so với kế hoạch, tương ứng 22% vì kết quả kinh doanh của nhiều đơn vị không đạt được như kỳ vọng trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, nổi bật là FCV, Bệnh viện Hạnh Phúc và Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ. Mặt khác, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương lại có sự gia tăng về đơn hàng, đến giữa năm 2024, thị trường dệt may có nhiều chuyển biến khởi sắc, doanh thu bán hàng năm 2024 đạt 1.816 tỷ, vượt 16% so với kế hoạch đề ra.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 39,3 tỷ đồng so với kế hoạch năm, biến động chủ yếu đến từ chi phí dự phòng nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành (“Tân Thành”). Ngoài ra, cả Tập đoàn đã tiết giảm các khoản chi tiêu liên quan đến chi phí hoạt động bao gồm chi phí lương, chi phí thuê ngoài...

### Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2024 [Kế hoạch]	Năm 2024 [Thực hiện]	Năm 2023 [Thực hiện]	2024 [TH] /2024 [KH]	2024 [TH] /2023 [TH]
<b>1. Tổng doanh thu</b>	<b>1.253.191.867.101</b>	<b>1.116.314.985.192</b>	<b>1.299.482.322.404</b>	<b>89%</b>	<b>86%</b>
1.1 Doanh thu thuần hoạt động SXKD	1.104.733.917.359	987.190.938.128	1.156.455.184.855	89%	85%





CHỈ TIÊU	Năm 2024 [Kế hoạch]	Năm 2024 [Thực hiện]	Năm 2023 [Thực hiện]	2024 [TH] /2024 [KH]	2024 [TH] /2023 [TH]
1.2 Doanh thu hoạt động tài chính	48.881.563.939	41.642.485.223	48.637.233.062	85%	86%
1.3 Thu nhập khác	204.736.975	9.998.676.865	5.220.753.845	4884%	192%
1.4 Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	99.371.648.828	77.482.884.976	89.169.150.642	78%	87%
<b>2. Tổng chi phí</b>	<b>1.085.950.256.935</b>	<b>970.297.806.870</b>	<b>1.132.163.573.973</b>	<b>89%</b>	<b>86%</b>
2.1 Giá vốn hàng bán	750.932.191.103	687.342.463.448	797.986.459.244	92%	86%
2.2 Chi phí QLDN	276.154.235.005	236.876.221.312	267.185.138.082	86%	89%
2.3 Chi phí tài chính	22.062.537.465	8.475.321.464	22.213.656.423	38%	38%
2.4 Chi phí khác	478.000.000	2.606.223.225	1.722.568.149	545%	151%
2.5 Chi phí bán hàng	36.323.293.362	34.997.577.421	43.055.752.075	96%	81%
<b>3. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>167.241.610.166</b>	<b>146.017.178.322</b>	<b>167.318.748.431</b>	<b>87%</b>	<b>87%</b>
<b>4. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>130.888.178.484</b>	<b>124.637.313.042</b>	<b>118.510.410.966</b>	<b>95%</b>	<b>105%</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất 2024*

Năm 2024 là một năm đầy thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty trong hệ sinh thái. Trong bối cảnh bất ổn kinh tế, chính trị toàn cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động tỷ giá và lãi suất, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu suy giảm, làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, hoạt động xuất khẩu và sản xuất khiến Tổng Công ty và nhiều đơn vị thành viên không đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất đạt 89% so với chỉ tiêu đề ra, ghi nhận hơn 987.190 triệu đồng. Trong đó, hầu hết các nguồn doanh thu đến từ các đơn vị con đều không đạt kế hoạch. Tổng chi phí trong năm 2024 đạt 970.297 triệu đồng, giảm 14% so với năm trước. Với những nỗ lực kiểm soát chi phí, tối ưu hóa hoạt động đầu tư và tìm kiếm các giải pháp kinh doanh phù hợp, Tổng Công ty tin tưởng sẽ vượt qua được giai đoạn khó khăn, đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững trong tương lai.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Doanh thu theo	Năm 2023	Năm 2024	%Năm 2024/ Năm 2023
1	Doanh thu bán thành phẩm,	651.443	672.497	103,23%

8166  
ÔNG T  
XUẤT-  
IÁP KI  
DUON  
NG T  
Ó PHAI  
AN-T P



Stt	Doanh thu theo	Năm 2023	Năm 2024	%Năm 2024/ Năm 2023
	hàng hoá			
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.572	224.749	83,06%
3	Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	236.018	91.137	38,61%
4	<b>Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>1.158.034</b>	<b>988.384</b>	<b>85,35%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

#### **Mảng bán thành phẩm, hàng hóa:**

Mảng bán thành phẩm, hàng hóa tiếp tục đóng vai trò quan trọng và là trụ cột doanh thu của Tổng Công ty, đạt tổng doanh thu 672.497 triệu đồng trong năm 2024. Nguồn thu chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng xăng dầu và chế biến mủ cao su của hai công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An và Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào. Trong năm 2024, doanh thu từ bán thành phẩm và hàng hóa đã ghi nhận mức tăng trưởng 3,23% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu đến từ kết quả kinh doanh khả quan của Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào. Thúc đẩy bởi bối cảnh thuận lợi của ngành cao su thế giới khi nhu cầu tiêu thụ cao su gia tăng mạnh mẽ từ các thị trường chính như Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á, giá bán cao su bình quân của Công ty cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào trong năm 2024 tăng 16 triệu đồng/tấn so với năm 2023 (30 triệu đồng/tấn) đã góp phần giúp Công ty vượt 72% so với kế hoạch đề ra. Mặt khác, Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An ghi nhận Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 khả quan hơn so với năm 2023 là do trong năm 2024, Công ty đã hoàn nhập được chi phí dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại môi trường theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC, mức trích lập 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp, tương ứng số tiền 995.000.000 đồng, quy định này đã bị bãi bỏ theo Thông tư số 08/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Ở chiều ngược lại, Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua nghị quyết giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú, trước đó đã buộc phải tạm ngừng hoạt động sản xuất kể từ ngày 15/03/2023. Dự kiến trong năm 2025, Tổng Công ty sẽ hoàn tất thủ tục giải thể đối với Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú Nguyên nhân là do tình hình kinh doanh không hiệu quả, không có đơn hàng, không tiêu thụ được hàng hóa, dẫn đến hàng tồn kho nhiều trong khi giá vốn cao. Chưa kể, vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được xử lý triệt để nên việc tiếp tục sản xuất trong bối cảnh và điều kiện hiện tại của Giấy Vĩnh Phú không được đảm bảo.

#### **Mảng cung cấp dịch vụ**

Nguồn thu năm 2024 từ mảng kinh doanh này được ghi nhận là 224.749 triệu đồng, sụt giảm 16,94% so với năm trước. Nguồn thu chính từ mảng này chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh của các Công ty như: Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé và Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade. Trong năm 2024, suy thoái kinh tế và xung đột địa chính trị thế giới đã gây sức ép lên nguồn vốn thu hút nước ngoài vào



KCN Quốc tế Protrade. Trong năm 2025, Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục mở rộng xây dựng nhà xưởng để cho thuê giai đoạn II, đồng thời cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh cho thuê phần diện tích đất còn lại.

Ở chiều ngược lại, tình hình kinh doanh Sân Golf Sông Bé trong những năm qua khá tốt, bắt đầu đi vào ổn định và đạt hiệu quả. Ngoài ra, Tổng Công ty đã và đang đầu tư vào hoạt động kinh doanh dịch vụ sân Golf với tiềm năng phát triển của ngành tại Bình Dương rất lớn. Hiện nay, Tổng Công ty sở hữu cổ phần ba sân golf tại Bình Dương với tổng diện tích 414 ha, trong đó sân golf Palm Sông Bé (100%), sân golf Phú Mỹ - Twin Doves (35%) và sân golf Tân Thành - Harmonie (30%). Nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng đối với dịch vụ sân golf, Tổng Công ty đang triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4 - 5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao cấp, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế. Đây được xem là động lực giúp gia tăng nguồn thu từ mảng kinh doanh này trong thời gian tới.

#### **Mảng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp**

Đây là một trong những mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty, đóng góp lớn vào nguồn doanh thu trong nhiều năm qua. Thông qua công ty con với 100% vốn góp là Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade, Tổng Công ty hiện đang sở hữu 500 ha đất tại khu công nghiệp Quốc tế Protrade với tỷ lệ lấp đầy 87%, nằm trong tổng diện tích hơn 1.350 ha của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây, thành phố Bến Cát. Sức hút của dự án hứa hẹn sẽ tiếp tục gia tăng đóng góp vào doanh thu chung của Tổng Công ty trong tương lai.

#### **2. Tổ chức và nhân sự:**

*Danh sách Ban điều hành từ 01/01/2024 đến 31/12/2024:*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn An Định	Chủ Tịch HĐQT chuyên trách	0	0%
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	0	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	7.000	0,0023%
4	Ông Huỳnh Hữu Hùng	Giám Đốc Phát triển Dự án,	105.000	0,0350%
5	Bà Lê Thị Thanh Thủy	GD Pháp Lý, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng Công ty	0	0%
6	Ông Ngô Châu Bình	Giám Đốc Hành chính Nhân Sự	30.500	0,0102%
7	Bà Hồ Ngọc Ái Vy	Phó Giám Đốc Hành chính Nhân Sự	10.000	0,0033%



- Tóm tắt lý lịch Ban Điều Hành đến ngày 31/12/2024:

Stt	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Quá trình công tác
1	<p><b>Ông Nguyễn An Định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ tịch HĐQT chuyên trách.</li> <li>• Sinh năm: 1977.</li> <li>• Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Tài chính Tín dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1999-2003: Kế toán, Kế toán Trưởng tại Công ty TNHH Chấn Kiệt (Chaiki Co.,Ltd), Công ty Liên Doanh Phú Diệu, Công ty TNHH Chean Yuan Việt Nam.</li> <li>• 09/2003 – 12/2017: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát</li> <li>• 10/2016 - 03/2020: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương</li> <li>• 07/2019 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công Ty Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – CTCP.</li> <li>• 04/2020 – 29/02/2024: Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – CTCP.</li> <li>• 01/03/2024 – nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương - CTCP</li> </ul>
2	<p><b>Ông Lê Trọng Nghĩa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng Giám đốc.</li> <li>• Sinh năm: 1990.</li> <li>• Trình độ: Cử nhân tài chính- Thạc sĩ QTKD.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 06/2013 - 11/2015: Nhân viên phòng tài chính – kế toán Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;</li> <li>• 12/2015 - 11/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành;</li> <li>• 12/2017 - 05/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành;</li> <li>• 05/2020 – 31/12/2023: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành.</li> <li>• 10/2018 – 06/2021: Thành viên HĐQT độc lập - Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP</li> <li>• 06/2021 – nay: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP</li> <li>• 01/2021 – 29/02/2024: Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> <li>• 01/03/2024 – nay: Tổng Giám đốc – Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> </ul>
3	<p><b>Bà Nguyễn Thị Kim Phượng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế Toán trưởng.</li> <li>• Sinh năm: 1988.</li> <li>• Trình độ: Thạc sĩ Kế toán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2011 - 2015: Phụ trách Kế toán công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương.</li> <li>• 2015 - 2021: Kế toán tổng hợp Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> <li>• 2022 - nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> </ul>
4	<p><b>Ông Huỳnh Hữu Hùng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giám Đốc Phát triển Dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2002-2004: Cán bộ kỹ thuật công ty Vận tải và Xây dựng Công trình Giao thông – Chi nhánh phía Nam</li> <li>• 2004-2011: Phó phòng Quản lý dự án công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng CIDECO.</li> </ul>

10014  
ÔNG C  
SẢN Y  
JẤT NH  
BÌNH  
CƠ  
CỐ  
HUÂN A



Stt	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Quá trình công tác
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh năm: 1979.</li> <li>Trình độ: Kỹ sư xây dựng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2011-2018: Chuyên viên phòng Phát Triển Dự Án – Tổng công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP</li> <li>2018-nay: Giám đốc Phát Triển Dự Án - Tổng công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> </ul>
5	<p><b>Bà Lê Thị Thanh Thủy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giám đốc Pháp Lý, Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký công ty.</li> <li>Sinh năm: 1988.</li> <li>Trình độ: Cử nhân luật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2010 - 2012: Trưởng phòng Tư vấn công ty Luật hợp doanh Phước Lý.</li> <li>2012 - 2013: Chuyên viên pháp lý công ty CP Đức Khải.</li> <li>2013 - 2014: Chuyên viên pháp lý công ty CP An Phú.</li> <li>2014 - 2017: Giám đốc Pháp lý công ty CP Đầu tư Xây dựng An Gia Hưng.</li> <li>2017 - 2018: Giám đốc Đầu tư Phát triển Dự án công ty CP TNG Holdings.</li> <li>2018 - 2020: Giám đốc Pháp lý kiêm Phát triển Dự án công ty CP SenReal.</li> <li>2020 - 2021: Giám đốc Pháp lý hoàn thiện tại Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long và Giám đốc pháp lý tại Công ty cổ phần GB.</li> <li>2021 - 01/2022: Trợ lý Tổng Giám đốc.</li> <li>01/2022 – 31/12/2023: Giám đốc Pháp lý Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> </ul>
6	<p><b>Ông Ngô Châu Bình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giám Đốc Hành chính Nhân Sự.</li> <li>Sinh năm: 1986.</li> <li>Trình độ: Thạc sĩ QTKD.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2014-2017: Nhân viên phòng Marketing công ty TNHH sân Golf Palm Sông Bé.</li> <li>2017-04/2021: Chuyên viên cấp cao phòng Marketing Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade.</li> <li>04/2021-07/2021: Phó Trưởng phòng Hành Chính Nhân Sự công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade.</li> <li>07/2021-12/2022: Phó Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Tổng Công Ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> <li>01/2023 – 30/06/2024: Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> </ul>
7	<p><b>Bà Hồ Ngọc Ái Vy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phó Giám Đốc Hành chính Nhân Sự.</li> <li>Sinh năm: 1982.</li> <li>Trình độ: Cử nhân ngôn ngữ Anh - Thạc sĩ QTKD.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>09/2007 – 03/2012: Nhân viên Phòng Dịch vụ Khách hàng Công ty LD TNHH KCN Việt Nam – Singapore.</li> <li>04/2012 – 03/2018: Chuyên viên phòng Dịch vụ Khách hàng Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade.</li> <li>04/2018 – 06/2024: Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade.</li> <li>01/07/2024 – nay: Phó Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP.</li> </ul>

- Những thay đổi trong Ban điều hành:



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2024
2	Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Bổ nhiệm ngày 01/03/2024
3	Ông Lê Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2024
4	Ông Ngô Châu Bình	Giám đốc HCNS	Miễn nhiệm ngày 01/07/2024
5	Bà Hồ Ngọc Ái Vy	Phó GD HCNS	Bổ nhiệm ngày 01/07/2024

Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2024: 53 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>		
1	Trên đại học	4	7,55%
2	Đại học	19	35,85%
3	Cao đẳng	1	1,89%
4	Trung cấp	1	1,89%
5	Phổ thông	28	52,83%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>		
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	22	41,51%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	31	58,49%
3	Bổ nhiệm	0	%
4	Thử việc	0	%

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

❖ Về đào tạo:

Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao là mục tiêu then chốt của Tổng Công ty. Để đạt được mục tiêu này, Tổng Công ty đã triển khai hệ thống chính sách đào tạo chuyên nghiệp và hiệu quả. Hằng năm, Tổng Công ty luôn tạo điều kiện tối đa để CB-CNV được tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng phục vụ công việc. Từng bước hình thành đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, mỗi cá nhân trong Tổng Công ty đều được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để hoàn thành tốt nhất công việc, góp phần vào sự thành công chung của Tổng Công ty.

❖ Về tuyển dụng:

Tổng Công ty luôn xem con người là nhân tố cốt lõi của tổ chức. Vì thế, nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố để phát triển trong tương lai. Tổng Công ty đã xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác xây dựng kế hoạch mục tiêu, phương án tổ chức triển khai việc tuyển dụng, kế hoạch định kỳ theo dõi, bám sát các nhân sự thử việc sau tuyển dụng để kịp thời hỗ trợ trong



thời gian các ứng viên mới hòa nhập công việc. Việc tuyển dụng được công bố công khai trên website công ty cho từng đối tượng với các vị trí khác nhau. Quy trình tuyển dụng linh hoạt, tuân thủ nguyên tắc minh bạch và khách quan, đảm bảo tính công bằng cho mọi ứng viên, nâng cao giá trị thương hiệu của Tổng Công ty.

❖ Về môi trường công việc:

Thứ nhất, Tổng Công ty luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, đặt sức khỏe và sự an toàn của người lao động lên hàng đầu. Thứ hai, đảm bảo người lao động có dụng cụ làm việc, trang thiết bị cần thiết với chất lượng đảm bảo theo quy định. Thứ ba, điều kiện vệ sinh xung quanh khu vực làm việc phải an toàn đối với sức khỏe, đáp ứng các quy định môi trường làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài 3 tiêu chí trên, Tổng Công ty còn chú trọng văn hóa làm việc chuyên nghiệp và hiện đại, tạo cơ hội cho người lao động phát triển bản thân và đóng góp tích cực vào sự thành công và phát triển của Tổng Công ty.

❖ Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư hướng dẫn số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng Công ty tuân thủ chi trả theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong công tác xây dựng chính sách lương. Để gia tăng động lực thăng tiến cho người lao động, Tổng Công ty có kế hoạch lộ trình tăng lương, thưởng hấp dẫn phù hợp với vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của người lao động.

Protrade đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của người lao động được quy định trong Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc trong thiết lập hợp đồng lao động, thực hiện thanh toán đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động 100%, đảm bảo đầy đủ và hoàn thiện chính sách đối với lao động nữ như thai sản, nghỉ khám thai.

Để bảo vệ sức khỏe của người lao động, hằng năm Tổng Công ty luôn tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện lớn, có uy tín, trình độ y khoa cao và trang thiết bị hiện đại. Ngoài ra, người lao động còn được chăm lo đời sống tinh thần qua các chuyến du lịch nghỉ dưỡng, hội thao, văn nghệ vào các dịp lễ trong năm. Nhờ đó mà tinh thần làm việc càng hăng say, tinh đoàn kết trong toàn thể nhân viên ngày càng bền vững.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

#### b. Các công ty con, công ty liên kết:

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu (VND)
Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	35,00%	35,00%	29.062.080.416	35,00%	35,00%	49.052.241.080



	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu (VND)
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	30,00%	30,00%	81.341.049.171	30,00%	30,00%	130.476.956.315
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	24,00%	24,00%	164.427.813.622	27,52%	24,00%	169.655.733.087
Công ty CP Hưng Vượng	30,90%	30,90%	19.898.639.040	30,90%	30,90%	3.414.669.512
Công ty TNHH YCH-PROTRADE	30,00%	30,00%	131.947.725.889	30,00%	30,00%	105.057.003.487
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	41,74%	30,00%	92.820.245.447	41,74%	30,00%	97.563.285.996
Công ty CP May mặc Bình Dương	47,71%	47,71%	311.331.206.625	47,71%	47,71%	262.881.619.776
<b>Tổng cộng</b>			<b>830.828.760.210</b>			<b>818.101.509.253</b>

Tình hình đầu tư tại Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú: Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc thống nhất giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục liên quan. Dự kiến trong năm 2025, Tổng Công ty sẽ hoàn tất thủ tục giải thể đối với Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.

Đồng thời, Tổng Công ty đang tiến hành xây dựng phương án phát triển hoặc thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết. Trước tiên là 03 công ty: Công ty cổ phần Hưng Vượng, Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ, Công ty TNHH YCH - Protrade theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 06/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty đang làm việc với các đơn vị tư vấn để xây dựng chiến lược kế hoạch 5 năm (giai đoạn 2025 – 2029) nhằm thực hiện mục tiêu hoạch định chiến lược kế hoạch phát triển của Tổng Công ty phân kỳ 05 năm được toàn diện, hiệu quả.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a. Tình hình tài chính:

Theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2024.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Năm 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	5.832.388	5.571.763	95,53%
2	Doanh thu thuần	1.156.455	987.190	85,36%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	163.821	138.624	84,62%



STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Năm 2024/2023
4	Lợi nhuận khác	3.498	7.392	211,32%
5	Lợi nhuận trước thuế	167.319	146.017	87,27%
6	Lợi nhuận sau thuế	118.510	124.637	105,17%

Theo Báo cáo Tài chính Riêng năm 2024.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Năm 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	4.653.710	4.407.850	94,72%
2	Doanh thu thuần	2.331	1.694	72,67%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	52.054	49.534	95,16%
4	Lợi nhuận trước thuế	53.070	51.713	97,44%
5	Lợi nhuận sau thuế	53.070	51.713	97,44%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2024

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (theo Báo cáo của Ban TGD năm 2024):**

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Đơn vị
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,64	0,54	Lần
Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,54	0,43	Lần
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,29	0,26	Lần
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,35	Lần
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	0,003	0,002	Vòng
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,06	0,004	Vòng
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,51	31,87	%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	1,61	1,59	%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,14	1,17	%

**+ Hệ số khả năng thanh toán:** Hệ số khả năng thanh toán năm 2024 của Tổng Công ty tiếp tục giảm so với năm 2023. Nguyên nhân biến động hệ số thanh toán là do Tổng Công ty tất toán một số khoản vay mà năm 2023 đã giải ngân để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của

816  
NG T  
JẤT-  
P KI  
UON  
G TY  
HẮN  
-T.BV



STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu</b>			
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	239.927.400	2.399.274.000.000	79,9758%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	60.072.600	600.726.000.000	20,0242%
<b>II</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>182.927.400</b>	<b>1.829.274.000.000</b>	<b>60,9758%</b>
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>117.071.600</b>	<b>1.170.761.000.000</b>	<b>39,0239%</b>
1	Cá nhân	36.309.377	363.093.770.000	12,1031%
2	Tổ chức	80.762.223	807.622.230.000	26,9207%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>0,00033%</b>



STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cá nhân	1.000	10.000.000	0,00033%
2	Tổ chức			
<b>Tổng cộng (II+III+IV)</b>		<b>300.000.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước:

Tên cá nhân /tổ chức (người đại diện)	ĐKKD	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương	3702418724	182.927.400	60,976%	Cổ đông nhà nước, Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Sam Holdings	3600253537	24.000.000	8%	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Đầu tư U&I	3700501180	18.000.000	6%	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Thu Hà		15.000.000	5%	Cổ đông lớn

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Không có.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Không có.

**e. Các chứng khoán khác:**

Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Những năm gần đây, đứng trước biến đổi khí hậu toàn cầu, Chính phủ các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những nước phát triển đều đã có những kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu trung hòa carbon đến năm 2050. Đặc biệt vấn đề này ngày càng cấp thiết khi Việt Nam là 1 trong 6 quốc gia chịu ảnh hưởng nhất từ biến đổi khí hậu. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ bầu khí quyển, tại Hội nghị Thượng đỉnh của các Nhà lãnh đạo trong khuôn khổ Hội nghị Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), Chính phủ Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ tham gia giải pháp về biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo đó, Việt Nam đặt mục tiêu nâng tỷ lệ năng lượng sạch trong tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp lên ít nhất 20% (năm 2030) và 30% (năm 2045), đồng thời cam kết từng bước loại bỏ sản xuất điện bằng than và cam kết khí thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Hưởng ứng tinh thần của Quốc gia, với hệ sinh thái đa ngành, đa lĩnh vực, từ hoạt động từ nông nghiệp, công nghiệp đến dịch vụ, Tổng Công ty nỗ lực gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với xu thế phát triển kinh tế tuần hoàn. Để hạn chế tối đa lượng khí thải này, Công ty đã thực hiện:

- Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thiết bị điều hòa không khí: Tổng Công



ty xây dựng quy định giờ bật tắt điều hòa tại khối văn phòng, sử dụng vừa tiết kiệm điện và giảm phát sinh khí thải, dần loại bỏ các máy lạnh đã quá hạn sử dụng.

- Đối với phương tiện vận chuyển: Tổng Công ty tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật như không chở vượt quá tải trọng xe, bảo dưỡng xe, sử dụng đúng nhiên liệu,... Các xe vận chuyển thường xuyên kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.

Công ty luôn theo dõi sát sao và cập nhật các quy định về môi trường, đồng thời nỗ lực sử dụng máy móc thiết bị giảm thiểu lượng chất thải, tránh gây ảnh hưởng đến bầu khí quyển và môi trường xung quanh nơi Công ty hoạt động. Công ty tự hào là một doanh nghiệp luôn hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, đóng góp tích cực vào việc bảo vệ và phát triển môi trường sống.

## **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nhận thức được tầm quan trọng của khâu đầu vào trong chuỗi giá trị, Tổng Công ty luôn tiên phong trong việc sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có khả năng tái chế, tái sử dụng cho các hoạt động kinh doanh. Điều này có thể mang lại lợi ích kép cho Tổng Công ty và các công ty con, liên kết như:

- Bảo vệ môi trường và sức khỏe con người: Góp phần giảm thiểu rác thải, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Tăng lợi ích kinh tế dài hạn: Tiết kiệm chi phí sản xuất do giảm thiểu sử dụng nguyên vật liệu thô, chi phí xử lý chất thải, nâng cao hình ảnh thương hiệu "xanh", thu hút khách hàng tiềm năng, mở rộng thị trường.

Với tinh thần sản xuất "xanh", việc lựa chọn nguyên vật liệu đầu vào chất lượng từ những đối tác uy tín là ưu tiên hàng đầu của Tổng Công ty khi hướng dẫn, chỉ đạo các công ty con và liên kết. Trong năm 2024, Tổng Công ty đã quản lý nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao.

Tất cả những nỗ lực này cũng đồng thời khẳng định cam kết của Tổng Công ty trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, vì một tương lai bền vững cho đất nước và thế giới.

## **6.3 Tiêu thụ năng lượng:**

Là quốc gia đang trên con đường xây dựng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, cân bằng cung cầu năng lượng là mục tiêu của Việt Nam xác định và luôn hướng đến. Tiếp nối tinh thần của quốc gia, Tổng Công ty đã đặt mục tiêu tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý giảm thiểu chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý lên hàng đầu, cụ thể một số hành động như:

- Đầu tư những thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện, đảm bảo công suất chiếu sáng và tuổi thọ cao.

- Tối ưu hóa việc sử dụng các thiết bị điện bằng cách tắt chúng khi không sử dụng.

- Tổ chức các chương trình tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ nhằm tạo ra một môi trường làm việc tiết kiệm năng lượng, hình thành thói quen và văn hóa tiết kiệm cho tất cả nhân viên tại Tổng Công ty. Đồng thời tăng cường phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ảnh hưởng tiêu cực của tiêu thụ điện lãng phí lên môi trường, nâng cao ý thức sử dụng hợp lý.



Ngoài ra, Tổng Công ty không ngừng tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để gia tăng hiệu quả tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

#### **6.4. Tiêu thụ nước:**

Hiểu được tầm quan trọng của nguồn nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khan hiếm tài nguyên, Tổng Công ty luôn chủ động trong việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm. Protrade cam kết thực hiện các chính sách và biện pháp thiết thực nhằm giảm thiểu lãng phí nước, góp phần bảo vệ môi trường và cộng đồng. Theo đó, nhiều giải pháp được triển khai:

- Kiểm tra định kỳ hệ thống đường ống nước để phát hiện và khắc phục kịp thời các rò rỉ, thất thoát nước.
- Áp dụng các vòi nước, bồn cầu tiết kiệm nước trong hoạt động kinh doanh và sinh hoạt.
- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho cán bộ nhân viên và cộng đồng.
- Khuyến khích sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước, tái sử dụng nước thải sau xử lý.

Tổng Công ty cam kết duy trì sự tiết kiệm và hợp lý trong việc sử dụng nguồn nước, cùng với những hoạt động thực tế để phát triển một văn hóa tiết kiệm tài nguyên trong cộng đồng nhân viên và trong xã hội.

#### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, đảm bảo không có bất cứ sai phạm về môi trường.

#### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

##### **a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	50	51	53
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	25.059.715	25.773.995	21.000.000

##### **b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Với Tổng Công ty, người lao động là nguồn lực quý giá luôn được gìn giữ, bồi dưỡng và phát huy giá trị. Trong những năm vừa qua, hệ sinh thái của Tổng Công ty giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người lao động tại tỉnh Bình Dương và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với những chế độ việc làm và chính sách lương thỏa đáng. Về chính sách lao động, Tổng Công ty đảm bảo luôn công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng, công bằng với mọi ứng viên. Trong chế độ làm việc, Tổng Công ty đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, xây dựng các chính sách lao động đúng theo tinh thần của Luật Lao động; cùng với việc luôn trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong khu vực làm việc của người lao động. Về mặt đào tạo, Công ty luôn ủng hộ người

66-  
TY  
T-  
KH  
NG  
TY  
AN  
BINH



lao động phát triển kỹ năng quản lý, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, nỗ lực ủng hộ người lao động có chí cầu tiến. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức văn nghệ, thể dục thể thao, quà tặng ngày lễ, thăm nom gia đình hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi cán bộ nhân viên khi ốm đau hoặc gia đình có hiếu hỉ. Từ đó càng thắt chặt tình đoàn kết nội bộ và nuôi dưỡng tinh thần người lao động.

#### **c. Hoạt động đào tạo người lao động**

Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với chi bộ, công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các buổi huấn luyện kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên với thời lượng trung bình 2 giờ / 1 tháng.

Tổng công ty không có chương trình phát triển chung mà căn cứ trên chuyên môn và vị trí của người lao động sẽ khuyến khích học tập nâng cao trình độ từ trung cấp lên cao đẳng, đại học và sau đại học. Trong những năm vừa qua, nhiều nhân viên phấn đấu học tập nâng cao trình độ, góp phần xây dựng và phát triển công ty.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Từ khi thành lập đến hiện tại, Tổng Công ty luôn đặt hoạt động sản xuất kinh doanh chung với giá trị bền vững đóng góp cho Cộng đồng, xã hội. Tổng Công ty tạo nguồn việc làm ổn định cho người dân địa phương, góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp và nâng cao đời sống cho người lao động. Thêm vào đó, Tổng Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và đóng góp xã hội, thể hiện sự tuân thủ pháp luật và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Trách nhiệm xã hội của Tổng Công ty không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ trực tiếp cho người dân gần khu vực trụ sở, Tổng Công ty còn triển khai nhiều chương trình thiện nguyện thiết thực hỗ trợ các gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi cơ nhỡ tại các tỉnh lân cận. Phong trào khuyến học cũng được lãnh đạo của Tổng Công ty đặc biệt quan tâm, trong năm vừa qua đã trao nhiều suất học bổng cho các học sinh giỏi hiếu học có hoàn cảnh khó khăn là con em công nhân trong hệ thống Protrade.

Với những nỗ lực không ngừng, Tổng Công ty luôn hướng đến trở thành một người bạn đồng hành đáng tin cậy, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội.

#### **6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh:**

Không áp dụng.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **a. Đánh giá tình hình kinh tế thế giới năm 2024:**

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải



thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nói lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực. Tính đến tháng 12/2024, hầu hết các tổ chức quốc tế đều giữ nguyên hoặc nâng mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu từ 0,1 đến 0,3 điểm phần trăm so với các dự báo trước đó, đạt từ 2,7% đến 3,2%, tương đương với mức tăng trưởng năm 2023.

Báo cáo của Liên Hợp Quốc về Tình hình và Triển vọng kinh tế thế giới 2025 cho biết các ngân hàng trung ương lớn có thể sẽ tiếp tục hạ lãi suất vào năm 2025 khi áp lực lạm phát giảm. Tỷ lệ lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm từ 4% vào năm 2024 xuống 3,4% vào năm 2025. Mặc dù lạm phát giảm, điều kiện thị trường lao động được cải thiện và việc nói lỏng tiền tệ nói chung, tăng trưởng dự kiến sẽ vẫn ở mức thấp hơn tốc độ trước đại dịch, trong khi nền kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục đối mặt với những bất ổn đáng kể. Xung đột chính trị, căng thẳng thương mại gia tăng và chi phí vay cao ở nhiều quốc gia. Những thách thức này đặc biệt nghiêm trọng ở các quốc gia có thu nhập thấp, dễ bị tổn thương, nơi mức tăng trưởng mong manh và dưới mức trung bình có nguy cơ làm suy yếu việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) của Liên Hợp Quốc.

#### **b. Đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam năm 2024:**

Tình hình kinh tế – xã hội nước ta năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2023, cao hơn so với mức tăng 6,6% của cùng kỳ 2023 đã phản ánh sự phục hồi tích cực của hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay so với năm trước. Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.

Đối với Việt Nam, hầu hết các tổ chức quốc tế như WB, ADB, OECD và IMF đều dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2025 ở mức từ 6,1%-6,6%. Trong nước, kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, tuy nhiên sẽ phải đối mặt với những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Trong đó, các yếu tố tác động tạo đà cho nền kinh tế tăng trưởng như sau:

- Kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nói lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực. Đổi mới sáng tạo, tăng cường áp dụng khoa học – công nghệ và bảo vệ môi trường đang trở thành xu hướng tất yếu đối với sự phát triển toàn cầu.





- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế – xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

- Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu đang tạo ra cơ hội lớn cho Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao.

- Kinh tế số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo được xác định là động lực tăng trưởng mới, là nền tảng cho tăng năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Phát triển công nghiệp bán dẫn là mục tiêu chiến lược.

- Tận dụng các hiệp định FTA để mở rộng thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng chủ lực và lợi thế của Việt Nam.

- Đầu tư công được tăng cường thực hiện mạnh mẽ. Năm 2025 là năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025, với mức đầu tư công kỷ lục lên tới 791.000 tỷ đồng (tương đương 6,4% GDP) đã được Quốc hội phê duyệt.

### **c. Đánh giá kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh của Protrade năm 2024:**

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 theo báo cáo tài chính riêng:*

*Đơn vị tính: đồng*

CHỈ TIÊU		Năm 2024		Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	
		Thực hiện	Kế hoạch	Biến động	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.694.485.715	917.000.000	777.485.715	185%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.694.485.715	917.000.000	777.485.715	185%
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	310.531.534	175.000.000	135.531.534	177%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.383.954.181	742.000.000	641.954.181	187%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	160.567.505.529	230.556.240.000	(69.988.734.471)	70%
7.	Chi phí tài chính	(31.878.015.694)	(1.706.886.060)	(30.171.129.634)	1868%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>15.984.835.453</i>	<i>22.040.219.179</i>	<i>(6.055.383.726)</i>	<i>73%</i>
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	144.295.009.613	172.657.958.463	(28.362.948.850)	84%
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.534.465.791	60.347.167.597	(10.812.701.806)	82%
10.	Thu nhập khác	3.726.443.820	-	3.726.443.820	100%
11.	Chi phí khác	1.547.286.178	-	1.547.286.178	100%
12.	Lợi nhuận khác	2.179.157.642	-	2.179.157.642	100%
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.713.623.433	60.347.167.597	(8.633.544.164)	86%
14.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.713.623.433	60.347.167.597	(8.633.544.164)	86%

(\*) Theo Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ



đồng thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng bản án thì lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tổng Công ty là 121,7 tỷ đồng.

Năm 2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 51,7 tỷ đồng, tương ứng 86% so với kế hoạch đề ra. Trong đó:

+ **Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh:** Chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhu cầu khách hàng đối với cây cảnh không còn được như trước đây nên việc bán cây cảnh của Tổng Công ty cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong năm qua, Tổng Công ty vẫn luôn nỗ lực tìm kiếm những khách hàng tiềm năng phù hợp để bán cây cảnh, doanh thu năm 2024 đã đạt 185% so với kế hoạch đề ra.

+ **Doanh thu tài chính:** Trong năm 2024, Tổng Công ty đã nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trị giá 159,6 tỷ đồng giảm 31% so với kế hoạch đề ra. Chiếm tỷ trọng cao là sự suy giảm của cổ tức từ Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade (“PICL”), thấp hơn 48,5 tỷ đồng so với kế hoạch năm, tình hình kinh doanh năm 2024 của PICL không đạt được như kỳ vọng. Cổ tức từ Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam (“FCV”) cũng giảm mạnh 16,5 tỷ đồng so với kế hoạch năm.

+ **Chi phí tài chính:** Năm 2024, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng đầu tư được 84,0 tỷ đồng (tăng 35,1 tỷ đồng so với kế hoạch năm), giá trị dự phòng đầu tư phát sinh thêm cũng chỉ tăng 8,2 tỷ đồng dẫn đến chi phí tài chính giảm 30,2 tỷ đồng. Điểm sáng trong các khoản đầu tư này là Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào (“DTL”) khi mang đến giá trị hoàn nhập dự phòng đầu tư 53,9 tỷ đồng. Dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Hạnh Phúc (“Bệnh viện Hạnh Phúc”) và Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé (“Sân golf Sông Bé”) cũng được hoàn nhập với giá trị lần lượt là 16,4 tỷ đồng và 13,7 tỷ đồng.

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 28,3 tỷ đồng so với kế hoạch năm, biến động chủ yếu đến từ chi phí dự phòng nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành (“Tân Thành”). Nguyên nhân là do trong năm 2024, Tân Thành đã trả một phần nợ gốc vay cho Tổng Công ty với số tiền là 41,2 tỷ đồng. Ngoài ra, Tổng Công ty đã tiết giảm các khoản chi tiêu liên quan đến chi phí hoạt động của Tổng Công ty bao gồm chi phí lương, chi phí thuê ngoài...

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 theo báo cáo tài chính hợp nhất:**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm 2024		Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	
		Thực hiện VND	Kế hoạch VND	Biến động VND	Tỷ lệ %
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	988.625.452.359	1.106.265.278.258	(117.639.825.899)	89%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.434.514.231	1.531.360.899	(96.846.668)	94%



CHỈ TIÊU		Năm 2024		Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	
		Thực hiện	Kế hoạch	Biến động	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	987.190.938.128	1.104.733.917.359	(117.542.979.231)	89%
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	687.342.463.448	750.932.191.103	(63.589.727.655)	92%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.848.474.680	353.801.726.256	(53.953.251.576)	85%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	41.642.485.223	48.881.563.939	(7.239.078.716)	85%
7.	Chi phí tài chính	8.475.321.464	22.062.537.465	(13.587.216.001)	38%
8.	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	77.482.884.976	99.371.648.828	(21.888.763.852)	78%
9.	Chi phí bán hàng	34.997.577.421	36.323.293.362	(1.325.715.941)	96%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	236.876.221.312	276.154.235.005	(39.278.013.693)	86%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	138.624.724.682	167.514.873.191	(28.890.148.509)	83%
12.	Thu nhập khác	9.998.676.865	204.736.975	9.793.939.890	4884%
13.	Chi phí khác	2.606.223.225	478.000.000	2.128.223.225	545%
14.	Lợi nhuận/(lỗ) khác	7.392.453.640	(273.263.025)	7.665.716.665	-2705%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	146.017.178.322	167.241.610.166	(21.224.431.844)	87%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.701.979.733	40.017.465.695	(6.315.485.962)	84%
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(12.322.114.453)	(3.664.034.013)	(8.658.080.440)	336%
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	124.637.313.042	130.888.178.484	(6.250.865.442)	95%
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	79.251.720.741	126.728.312.963	(47.476.592.222)	63%
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	45.385.592.301	4.159.865.521	41.225.726.780	1091%
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	240	422	(182)	57%

(\*) Theo Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng bản án thì lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tập đoàn là 194,6 tỷ đồng.

Năm 2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 124,6 tỷ đồng, tương ứng 95% so với kế hoạch đề ra. Trong đó:

+ **Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 53,9 tỷ đồng so với kế hoạch năm, tương ứng 15%, chủ yếu do sự suy giảm kết quả sản xuất kinh doanh của PICL. Tình hình kinh doanh năm 2024 của PICL không đạt được theo như kế hoạch kỳ mong, lợi nhuận gộp giảm 104 tỷ



đồng, tương ứng 48%.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của DTL lại đạt được kết quả rất tích cực, lợi nhuận gộp tăng 57,8 tỷ đồng, tương ứng 68%. Giá bán cao su bình quân trong năm 2024 là 46 triệu đồng/tấn, tăng 16 triệu đồng/tấn so với năm 2023 (30 triệu đồng/tấn) dẫn đến lợi nhuận gộp của DTL vẫn vượt kế hoạch đề ra.

+ **Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết:** Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết giảm 21,9 tỷ đồng so với kế hoạch, tương ứng 22% vì kết quả kinh doanh của nhiều đơn vị không đạt được như kỳ vọng trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, nổi bật là FCV, Bệnh viện Hạnh Phúc và Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ. Mặt khác, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương lại có sự gia tăng về đơn hàng, đến giữa năm 2024, thị trường dệt may có nhiều chuyển biến khởi sắc, doanh thu bán hàng năm 2024 đạt 1.816 tỷ, vượt 16% so với kế hoạch đề ra.

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 39,3 tỷ đồng so với kế hoạch năm, biến động chủ yếu đến từ chi phí dự phòng nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành (“Tân Thành”). Ngoài ra, cả Tập đoàn đã tiết giảm các khoản chi tiêu liên quan đến chi phí hoạt động bao gồm chi phí lương, chi phí thuê ngoài...

## 2. Tình hình tài chính:

### a. Tình hình tài sản:

DVT: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024/ TH 2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Tài sản ngắn hạn	2.053.126	1.957.637	95,34%	35,20%	35,13%
Tài sản dài hạn	3.779.262	3.614.126	95,63%	64,80%	64,87%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.832.388</b>	<b>5.571.763</b>	<b>95,53%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

### Nhận xét:

Trong năm 2024, tổng tài sản của Protade đạt 5.571 tỷ đồng, giảm 4,47% so với năm 2023. Mức giảm này diễn ra đồng đều ở cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, lần lượt giảm 95 tỷ đồng và 165 tỷ đồng. Sự sụt giảm nhẹ về quy mô tài sản phản ánh sự điều chỉnh linh hoạt và chủ động của Protrade trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đạt được kỳ vọng như kế hoạch đã đề ra.

Cụ thể, doanh thu thuần năm 2024 đạt 987 tỷ đồng, tương đương 89% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 124,6 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch năm. Trước những khó khăn từ môi trường kinh doanh, Protrade đã áp dụng các biện pháp quản trị hiệu quả nhằm kiểm soát chi phí, tối ưu dòng tiền và hạn chế các khoản đầu tư dài hạn chưa thật sự cấp thiết.

Tài sản ngắn hạn giảm nhẹ là do Protrade đã chủ động điều chỉnh quy mô sản xuất, quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, công nợ và dòng tiền. Đồng thời, việc cắt giảm các khoản đầu tư dài hạn trong năm 2024 cũng thể hiện định hướng thận trọng trong chiến lược tài chính, đảm bảo duy trì sự ổn định và an toàn vốn trong giai đoạn thị trường có nhiều biến động.

Tổng thể, việc quy mô tài sản giảm nhẹ trong năm 2024 không chỉ phản ánh sự



thích ứng kịp thời với điều kiện kinh doanh thực tế, mà còn thể hiện định hướng điều hành linh hoạt, thận trọng của Ban điều hành nhằm bảo đảm an toàn tài chính và tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo.

**b. Tình hình nợ phải trả:**

DVT: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024/ TH 2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Nợ ngắn hạn	1.531.693	1.286.020	83,96%	82,74%	81,06%
Nợ dài hạn	319.524	300.462	94,03%	17,26%	18,94%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.851.217</b>	<b>1.586.482</b>	<b>85,70%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

**Nhận xét:**

Trong năm 2024, tình hình nợ của Protrade đã có những thay đổi đáng chú ý, phản ánh sự điều chỉnh trong chiến lược tài chính và quản lý nợ của công ty. Tổng nợ phải trả giảm từ 1.851.217 triệu đồng xuống còn 1.586.482 triệu đồng, tương ứng với mức giảm 14,3%, nguyên nhân đến từ sự tái cơ cấu cấu trúc vốn của PRT khi 2 khoản mục nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều ghi nhận sự sụt giảm. Nợ dài hạn cũng giảm mạnh từ 319.524 triệu đồng xuống còn 300.462 triệu đồng, giảm 5,97%. Mặc dù nợ dài hạn giảm, công ty vẫn duy trì một mức nợ dài hạn hợp lý, đảm bảo khả năng đầu tư vào các dự án dài hạn mà không làm gia tăng rủi ro tài chính. Nhìn chung, tình hình nợ của PRT trong năm 2024 cho thấy một chiến lược tài chính thận trọng và hợp lý, khi công ty giảm bớt nợ ngắn hạn để giảm áp lực tài chính tức thời, đồng thời duy trì nợ dài hạn ở mức hợp lý để đảm bảo các hoạt động đầu tư lâu dài. Việc giảm tổng nợ và điều chỉnh cơ cấu nợ này giúp PRT nâng cao khả năng thanh toán và cải thiện vị thế tài chính, đồng thời giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

**Quy chế nội bộ**

- Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với Tổng Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, công khai, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá nhân viên theo định kỳ.
- Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và chuẩn hóa hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công ty.

**Đào tạo nguồn nhân lực**

- Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản lý vốn đầu tư, quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư.
- Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.

**Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ**

- Nâng cấp, cập nhật thường xuyên, nhanh chóng trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.





- Nghiên cứu kế hoạch triển khai phần mềm quản lý công việc trong Tổng Công ty.

#### **Quản lý và sử dụng đất đai**

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.

- Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

#### **Quản trị tài chính**

- Rà soát định kỳ các định mức chi phí, chú trọng tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

##### **Kế hoạch tổng quát:**

- Thực hiện theo đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị doanh nghiệp trong điều hành và các hoạt động của Công ty.

- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh.

- Tăng cường kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi. Đồng thời có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi. Tổ chức điều hành quản lý chi theo hướng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

##### **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:**

Trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và đánh giá xu thế phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, Ban Tổng Giám đốc xác định kế hoạch phát triển trong tương lai với các định hướng trọng tâm sau:

**Hoàn tất công tác cổ phần hóa và xử lý tồn đọng:** Rà soát và giải quyết dứt điểm các vấn đề liên quan đến quá trình cổ phần hóa Tổng công ty, tạo nền tảng pháp lý và tài chính ổn định cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

**Tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn – hiệu quả – chuyên nghiệp:** Cùng cố hệ thống quản trị tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Thu hút nhân sự chất lượng cao và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát hoạt động.

**Nâng cao hiệu quả quản trị vốn và giám sát đầu tư:** Tăng cường vai trò của các đại diện vốn trong Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên/Ban điều hành các công ty con và liên doanh. Triển khai công tác kiểm soát viên tại các đơn vị chưa có hoặc chưa hoàn thiện cơ cấu kiểm soát nội bộ.



**Sàng lọc danh mục đầu tư, tối ưu hiệu quả kinh doanh:** Đánh giá hiệu quả hoạt động của từng công ty con, công ty liên doanh/liên kết để có phương án giữ lại, tăng vốn, tăng tỷ lệ sở hữu hoặc thoái vốn. Tập trung phát triển những ngành nghề cốt lõi có hiệu quả cao và tiềm năng tăng trưởng dài hạn.

**Phát triển bất động sản đô thị và dịch vụ:** Ưu tiên triển khai dự án Trung tâm hội nghị quốc tế và khách sạn tại Sân Golf Sông Bé theo quy hoạch đã được phê duyệt, góp phần định vị lại thương hiệu và mở rộng lĩnh vực hoạt động.

**Hiện đại hóa sản xuất – Di dời nhà máy theo quy hoạch:** Thực hiện kế hoạch di dời Nhà máy Công ty CP May mặc Bình Dương vào KCN Quốc tế Protrade nhằm phù hợp định hướng phát triển công nghiệp tập trung của tỉnh Bình Dương.

**Phát triển nông nghiệp bền vững và mở rộng tại nước ngoài:** Tái canh và mở rộng diện tích trồng cao su tại Lào lên 10.000 ha, bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.

**Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển 5 năm (2025–2030):** Hoàn thiện kế hoạch trung hạn, ưu tiên phát triển các lĩnh vực mới gắn với yếu tố môi trường, phát triển bền vững, mang lại giá trị lâu dài cho cổ đông.

#### **Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:**

*Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng năm 2025*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025 (kế hoạch) VND	Năm 2024 (đã kiểm toán) VND	Chênh lệch VND	Tỷ lệ %
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.700.000	1.694.485.715	(906.785.715)	46%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.700.000	1.694.485.715	(906.785.715)	46%
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	-	(310.531.534)	310.531.534	0%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.700.000	1.383.954.181	(596.254.181)	57%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	203.836.125.496	160.567.505.529	43.268.619.967	127%
7.	Chi phí tài chính	(3.556.451.853)	31.878.015.694	(35.434.467.547)	-11%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>(12.670.000.000)</i>	<i>(15.984.835.453)</i>	<i>3.314.835.453</i>	<i>79%</i>
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(148.443.274.895)	(144.295.009.613)	(4.148.265.282)	103%
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	52.624.098.748	49.534.465.791	3.089.632.957	106%
10.	Thu nhập khác	-	3.726.443.820	(3.726.443.820)	0%
11.	Chi phí khác	-	(1.547.286.178)	1.547.286.178	0%
12.	Lợi nhuận khác	-	2.179.157.642	(2.179.157.642)	0%



STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025 (kế hoạch)	Năm 2024 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.624.098.748	51.713.623.433	910.475.315	102%
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.624.098.748	51.713.623.433	910.475.315	102%

(\*) Theo Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng bản án thì lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Tổng Công ty là 122,6 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh doanh trên BCTC hợp nhất năm 2025

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Năm 2025 (kế hoạch)	Năm 2024 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.045.672.611.009	988.625.452.359	57.047.158.650	106%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.496.749.660)	(1.434.514.231)	(62.235.429)	104%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.044.175.861.349	987.190.938.128	56.984.923.221	106%
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(719.829.444.995)	(687.342.463.448)	(32.486.981.547)	105%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	324.346.416.354	299.848.474.680	24.497.941.674	108%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	22.250.046.575	41.642.485.223	(19.392.438.648)	53%
7.	Chi phí tài chính	(7.021.082.916)	(8.475.321.464)	1.454.238.548	83%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	(3.824.971.412)	(3.026.302.566)	(798.668.846)	126%
8.	Phân lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	82.119.339.832	77.482.884.976	4.636.454.856	106%
9.	Chi phí bán hàng	(36.316.129.387)	(34.997.577.421)	(1.318.551.966)	104%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(244.627.534.570)	(236.876.221.312)	(7.751.313.258)	103%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	140.751.055.888	138.624.724.682	2.126.331.206	102%
12.	Thu nhập khác	245.000.000	9.998.676.865	(9.753.676.865)	2%
13.	Chi phí khác	(30.000.000)	(2.606.223.225)	2.576.223.225	1%
14.	Lợi nhuận khác	215.000.000	7.392.453.640	(7.177.453.640)	3%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	140.966.055.888	146.017.178.322	(5.051.122.434)	97%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(47.790.301.149)	(33.701.979.733)	(14.088.321.416)	142%
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(521.481.412)	12.322.114.453	(12.843.595.865)	-4%
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.654.273.327	124.637.313.042	(31.983.039.715)	74%



	CHỈ TIÊU	Năm 2025 (kế hoạch)	Năm 2024 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	66.121.606.713	79.251.720.741	(13.130.114.028)	83%
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26.532.666.214	45.385.592.301	(18.852.926.087)	58%
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	257	240	17	107%

(\*) Theo Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng bản án thì lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Tập đoàn là 162,7 tỷ đồng

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm.

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

##### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Nhận thức được Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự phát triển nhanh của các đô thị, tác động lớn đến môi trường và hệ sinh thái, Tổng Công ty xác định bảo vệ môi trường không chỉ là nhiệm vụ quan trọng mà còn là cam kết không ngừng của Tổng Công ty trong quá trình phát triển. Cụ thể, Tổng Công ty đã triển khai: Xây dựng văn hóa nội bộ tiết kiệm điện là tiết kiệm ngân sách quốc gia, bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống mai sau, hưởng ứng tích cực ngày Trái Đất, phổ biến và nâng cao ý thức của từng cán bộ công nhân viên; Trang bị những thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện mà vẫn đảm bảo công suất chiếu sáng cùng tuổi thọ cao; Chú trọng công tác bảo trì máy móc thiết bị vừa đảm bảo sử dụng hiệu quả tài sản vừa tận dụng năng suất với lượng tiêu thụ điện tương đương; Sử dụng nước tiết kiệm tránh lãng phí,...

Với những nỗ lực của Tổng Công ty suốt những năm qua, hành động nhỏ tác động lớn, Protrade tự hào đóng góp nhỏ công tác giữ gìn một Trái Đất màu xanh, một môi trường xanh sạch đẹp.

##### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Ban Tổng Giám đốc xác định người lao động là nhân tố cốt lõi của một tổ chức phát triển bền vững. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã, đang và sẽ luôn chú trọng đến việc xây dựng các chính sách người lao động. Suốt những năm qua, hệ sinh thái Protrade đã giải quyết tốt vấn đề lao động của nhiều người lao động tại địa bàn, với chính sách lương thưởng phù hợp, chính sách phúc lợi theo quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty. Mặt khác, Tổng Công ty luôn khuyến khích người lao động phát triển chuyên môn, nâng cao trình độ nghiệp vụ trong môi trường làm việc an toàn.

Song song đó, Tổng Công ty cũng chú trọng về mặt tinh thần khi phối hợp với Công đoàn: Tổ chức du lịch nghỉ dưỡng định kỳ mỗi năm; Tổ chức thăm hỏi cán bộ



nhân viên ốm đau, hiếu hỉ; Trao tặng học bổng cho các con em cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; Giám sát phục vụ chất lượng bữa ăn cho người lao động, thay đổi thực đơn hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng phục vụ, cải thiện suất ăn cho người lao động; Tổ chức thi đua thể thao văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn,... Ban Tổng giám đốc luôn tự hào vì đã xây dựng và phát triển một tập thể vững mạnh, một đoàn đội gắn kết.

### **c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Ban Tổng giám đốc hiểu được thành công của Tổng Công ty đến ngày hôm nay không thể nào không kể đến sự đóng góp của cộng đồng địa phương nơi Công ty hoạt động. Do đó, Tổng Công ty đã đồng hành cùng địa phương, hiện thực hóa giá trị của sự sẻ chia thông qua việc duy trì hoạt động từ thiện, trao tặng nhiều phần quà cho bệnh nhân nghèo, trẻ em mồ côi, gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phối hợp cùng Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện, nêu cao tinh thần “tương thân tương ái”. Qua đó, Ban Tổng giám đốc luôn cố gắng đặt hoạt động sản xuất kinh doanh chung với phát triển bền vững, vì một Việt Nam khỏe mạnh và thịnh vượng.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị:**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt; xung đột leo thang ở Ukraina, Trung Đông, Biển Đỏ cùng căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan. Giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biến động mạnh, trong khi kinh tế - thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu và đầu tư toàn cầu sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Bên cạnh đó thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp. Ở trong nước, chúng ta vừa phải linh hoạt ứng phó hiệu quả trước các tác động bên ngoài, vừa phải khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm. Đồng thời, phải dành nhiều thời gian, nguồn lực giải quyết những vấn đề đột xuất, phát sinh, nhất là ứng phó, khắc phục hậu quả nặng nề thiên tai vốn vẫn còn kéo dài tại nhiều địa phương. Trước những biến động trên, tình hình kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc cũng bị ảnh hưởng, cụ thể lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tổng Công ty đạt 95% và lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán đạt 86% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong bối cảnh nhiều khó khăn và thách thức lớn hơn là cơ hội, Ban lãnh đạo đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng để ứng phó với các yếu tố bất lợi. Các quyết định chiến lược đã được thực hiện linh hoạt, tập trung vào việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất và vận hành, đồng thời bảo đảm duy trì ổn định tài chính. Hội đồng Quản trị ghi nhận những nỗ lực này của Ban lãnh đạo trong việc duy trì và phát triển công ty, đồng thời tạo ra cơ hội mới để vượt qua thử thách, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài trong môi trường kinh doanh đầy biến động.



### **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc bảo vệ môi trường, chăm sóc người lao động và phát triển cộng đồng, Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu hoạt động kinh doanh hiệu quả song song với phát triển bền vững. Với vai trò định hướng chiến lược, Hội đồng Quản trị luôn đôn đốc và ủng hộ các sáng kiến bảo vệ môi trường mà Ban Tổng Giám đốc triển khai trong các hoạt động kinh doanh. Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đánh giá cao những nỗ lực của Tổng Công ty trong việc tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu lãng phí nguồn nước, thông qua các sáng kiến như “Các hành động nhỏ, ý nghĩa lớn”.

Không chỉ chú trọng vào công tác vận hành kinh doanh, Tổng Công ty còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng con người và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong văn hóa nội bộ. Công ty đã khuyến khích tinh thần xanh, sạch, đẹp trong tất cả các hoạt động của nhân viên. Về mặt người lao động, Ban Điều hành đã thực hiện rất tốt công tác đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, mặc dù tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng vẫn phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và hiệu quả.

### **Đánh giá Công tác quản lý rủi ro**

Tổng Công ty xác định quản trị rủi ro là vấn đề trọng tâm của hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị chiến lược. Tổng Công ty đang triển khai hệ thống quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế được chấp nhận chung, đảm bảo phù hợp với tình hình kinh doanh của đơn vị và môi trường hoạt động tại Việt Nam.

Theo đó, hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bước:

1. Xác lập mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty;
2. Nhận diện rủi ro ảnh hưởng đến mục tiêu;
3. Đánh giá ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro theo thứ tự ưu tiên (bao gồm định tính và định lượng);
4. Triển khai xử lý rủi ro có xem xét đến các cơ hội cũng như mối đe dọa ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu đề ra;
5. Giám sát việc xử lý rủi ro nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro;
6. Trao đổi thông tin giữa các bộ phận và toàn thể nhân viên về rủi ro và hệ thống quản trị rủi ro nhằm đảm bảo các bên liên quan nhận thức đầy đủ về vai trò và trách nhiệm trong quản trị rủi ro.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm 2024, HĐQT tiếp tục thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo công tác quản lý, điều hành diễn ra minh bạch, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

HĐQT đã triển khai giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ và báo cáo từ Ban Tổng Giám đốc cung cấp. Việc chỉ đạo, điều hành được thực hiện công khai, minh bạch, tuân thủ theo nguyên tắc thảo luận tập thể và quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất,

6-C.1  
Y  
ẤU  
3  
H DƯ



được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty. Với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, Ban Tổng Giám đốc luôn duy trì các cuộc họp sản xuất kinh doanh định kỳ và linh hoạt xử lý các vấn đề phát sinh. Việc quản lý và điều hành Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

HDQT đã giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty và những quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát công tác điều hành thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo trực tiếp tại các buổi họp của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng áp dụng công nghệ, cải tiến quy trình làm việc nhằm tối ưu hóa hiệu quả vận hành.

Năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần ổn định và phát triển hoạt động của Tổng Công ty trong bối cảnh có nhiều thách thức. Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời kỳ vọng Ban Tổng Giám đốc tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trong thời gian tới.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

#### 3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2025:

Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC hợp nhất 2025	Kế hoạch BCTC riêng 2025
Tổng doanh thu	1.148.790.247.756	204.623.825.496
+ Doanh thu thuần hoạt động SXKD	1.044.175.861.349	787.700.000
+ Doanh thu hoạt động tài chính	104.369.386.407	203.836.125.496
+ Thu nhập khác	245.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.654.273.327	52.624.098.748

#### 3.2. Định hướng hoạt động của HDQT năm 2025.

Dự báo năm 2025 sẽ có nhiều khó khăn thách thức lớn đối với nền kinh tế có độ mở lớn và định hướng xuất khẩu như Việt Nam. Tuy nhiên, HDQT vẫn lạc quan một cách thận trọng về những cơ hội, thuận lợi đang xen. Trên cơ sở đó, HDQT định hướng hoạt động năm 2025 và các năm tiếp theo với các mục tiêu sau:

- Tập trung xử lý và giải quyết các tồn đọng liên quan đến vấn đề cổ phần hóa của Tổng công ty.

- Tổ chức lại bộ máy của Tổng công ty và các công ty con theo phương hướng tinh gọn và hiệu quả, thu hút nhiều nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm giúp cho Tổng công ty và công ty con từng bước phát triển và hội nhập với thế giới. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát các công ty con, công ty liên kết thông qua việc đề cử bổ nhiệm các kiểm soát viên tại các đơn vị công ty con, công ty liên kết chưa tổ chức triển khai cơ cấu Ban Kiểm soát hoặc đã tổ chức nhưng Tổng Công ty chưa đề cử nhân sự để bầu thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị này.



- Tăng cường công tác kiểm soát hiệu quả hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn Tổng Công ty Sản xuất tại các đơn vị thông qua công tác báo cáo định kỳ của Người được Tổng Công ty cử tham gia Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Ban điều hành các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, tăng cường hoạt động kiểm soát để có phương án tối đa hóa lợi nhuận, tiết giảm chi phí, tăng doanh thu cho các đơn vị.

- Rà soát và đánh giá lại toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trực thuộc và các khoản đầu tư tại công ty liên doanh/liên kết, xem xét tính hiệu quả của từng đơn vị để có phương án đầu tư phát triển tăng vốn, tăng tỷ lệ sở hữu hoặc thoái vốn tại các đơn vị không mang lại hiệu quả. Từ đó, tập trung phát triển các ngành nghề mang lại hiệu quả cho Tổng công ty, nhằm xây dựng lại hình ảnh cũng như uy tín của Tổng Công ty trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai xây dựng Trung tâm hội nghị quốc tế và nhà hàng khách sạn tại Sân Golf Sông Bé trên cơ sở phù hợp với quy hoạch tại Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 14/07/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Thuận An đến năm 2040; và Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục thực hiện việc di dời nhà máy Công ty cổ phần May mặc Bình Dương lên Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade theo Đề án “Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở địa bàn phía Nam chuyển đổi công năng, di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bình Dương” được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Tiến hành trồng tái canh cao su đối với diện tích 6.723ha, cũng như tiếp tục đầu tư mở rộng vườn cao su lên 10.000ha tại Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại tỉnh Champasak, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Hoàn thành việc lập kế hoạch chiến lược 05 năm 2025-2030. Trong đó, chú trọng việc nghiên cứu và phát triển thêm các lĩnh vực mới mang tính bền vững, bảo vệ môi trường và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông trong thời gian 05 năm tới, cụ thể chiến lược phát triển trong tương lai là phát triển lĩnh vực bất động sản đô thị và dịch vụ.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tính tại ngày 31/12/2024

0148  
IG CỘNG  
HÒA XÃ HỘI  
CHÍNH NGHĨA  
VIỆT NAM  
CỘNG HÒA  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	0	0%
2	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
3	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT , Tổng Giám đốc	0	0%
4	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
5	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT không điều hành	1.313.000	0,44%
6	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành	5.500	0,0018%
7	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	0	0%

Thông tin chi tiết Thành viên HĐQT:

STT	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Chức danh quản lý tại các công ty khác
1	<b>Ông Nguyễn An Định</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐQT chuyên trách.</li> <li>Năm sinh: 1977.</li> <li>Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Tài chính tín dụng.</li> <li>Số CP nắm giữ: 0 CP.</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 0%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP May mặc Bình Dương.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư &amp; Phát Triển Tân Thành.</li> </ul>
2	<b>Ông Mai Hữu Tín</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT không điều hành.</li> <li>Năm sinh: 1969.</li> <li>Trình độ: Tiến sĩ QTKD.</li> <li>Số CP nắm giữ: 0 CP.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Đầu Tư U&amp;I.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành.</li> <li>Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Cao Su Phước Hòa.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ.</li> </ul>



STT	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Chức danh quản lý tại các công ty khác
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ sở hữu: 0%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam.</li> <li>Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH YCH-Protrade.</li> </ul>
3	<p><b>Ông Lê Trọng Nghĩa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT, TGD.</li> <li>Năm sinh: 1990.</li> <li>Trình độ: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Tài chính.</li> <li>Số CP nắm giữ: 0 CP.</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 0%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT Công ty CP Hưng Vượng.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.</li> <li>Trưởng BKS Công ty CP May Mặc Bình Dương.</li> <li>Thành viên BKS Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty TNHH YCH-Protrade.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An.</li> </ul>
4	<p><b>Ông Trần Việt Anh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT không điều hành.</li> <li>Năm sinh: 1978.</li> <li>Trình độ: Cử nhân Khoa học.</li> <li>Số CP nắm giữ: 0 CP.</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 0%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP SAM Holdings.</li> <li>TGD Công ty CP Địa Ốc Sacom.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công viên nước Đầm Sen.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Khoán sản VICO Quảng Trị.</li> </ul>
5	<p><b>Ông Nguyễn Văn Thiên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT không điều hành</li> <li>Năm sinh: 1957</li> <li>Trình độ: Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường</li> <li>Số CP nắm giữ:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Chánh Phú Hòa.</li> <li>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Gia Tân.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Đồng Nai.</li> <li>Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Cần Thơ.</li> </ul>



STT	Họ và Tên Thông tin cơ bản	Chức danh quản lý tại các công ty khác
	1.313.000 CP. • Tỷ lệ sở hữu: 0,44%.	
6	<b>Ông Trần Hồng Khôi</b> • Thành viên HĐQT không điều hành • Sinh năm: 1979 • Trình độ: Kỹ sư Điện tử Viễn thông. • Số CP nắm giữ: 5.500 CP. • Tỷ lệ sở hữu: 0,0018%	• Trưởng phòng hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý Dự án Bình Dương.
7	<b>Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc</b> • Thành viên HĐQT độc lập không điều hành. • Sinh năm: 1969. • Trình độ: Cử nhân Luật. • Số CP nắm giữ: 0 CP. • Tỷ lệ sở hữu: 0%.	• Thành viên HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP. • Giám đốc Công ty luật TNHH B.C.M.

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị sẽ kiện toàn nhân sự các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị trong thời gian tới.

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

HĐQT luôn xác định rõ trách nhiệm, vai trò của cơ quan quản lý công ty, có nghĩa vụ chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cá nhân quản lý khác trong hoạt động điều hành của Tổng Công ty. Đồng thời, HĐQT đảm bảo việc tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT tiếp tục nâng cao năng lực quản trị Tổng Công ty, hướng tới hiệu quả kinh doanh tối ưu trên tinh thần phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quản trị hiện đại.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức thực hiện 05 phiên họp HĐQT, trong đó có





03 phiên họp của nhiệm kỳ 2018-2022 và 02 phiên họp của nhiệm kỳ 2024-2029, cụ thể:

**Ba (03) phiên họp của nhiệm kỳ 2018-2022.**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn An Định	03/03	100%
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	03/03	100%
3	Ông Mai Hữu Tín	03/03	100%
4	Ông Nguyễn Văn Thiên	03/03	100%
5	Ông Trần Việt Anh	03/03	100%
6	Ông Trần Hồng Khôi	03/03	100%

**Hai (02) phiên họp của nhiệm kỳ 2024-2029.**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn An Định	02/02	100%
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	02/02	100%
3	Ông Mai Hữu Tín	02/02	100%
4	Ông Nguyễn Văn Thiên	02/02	100%
5	Ông Trần Việt Anh	02/02	100%
6	Ông Trần Hồng Khôi	02/02	100%
7	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	01/02	50%

**Mời họp:** Ban Tổng giám đốc và các thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Tổng Công ty đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2024.

**Chi tiết các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2024 như sau:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
1	Nghị quyết 74/NQ-HĐQT	27/02/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	(1) Thống nhất Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023. (2) Thống nhất Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024. (3) Thông qua việc ủy quyền cho ông Nguyễn An Định - TV.HĐQT quyết định ngày tổ chức ĐHĐCĐ,	100%	Đã hoàn thành



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			ngày chốt danh sách cổ đông vào thời gian phù hợp và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.		
2	Nghị quyết 75/NQ-HĐQT	27/02/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	Hội đồng quản trị Thống nhất giới thiệu ông Lê Trọng Nghĩa - thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty ứng cử và chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Giao ông Nguyễn An Định tiến hành các thủ tục liên quan để kiện toàn chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với ông Lê Trọng Nghĩa.	100%	Đã hoàn thành
3	Nghị quyết 76/NQ-HĐQT	27/02/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	Hội đồng quản trị thống nhất miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP đối với ông Hà Văn Thuận từ ngày 27/02/2024.	100%	Đã hoàn thành
4	Nghị quyết 77/NQ-HĐQT	27/02/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	Hội đồng quản trị thống nhất bầu ông Nguyễn An Định - thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP kể từ ngày	100%	Đã hoàn thành



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			01/03/2024.		
5	Nghị quyết 78/NQ-HĐQT	01/03/2024 (Họp lần 02 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	Hội đồng quản trị thống nhất miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP đối với ông Nguyễn An Định - TV.HĐQT kể từ ngày 01/03/2024.	100%	Đã hoàn thành
6	Nghị quyết 79/NQ-HĐQT	01/03/2024 (Họp lần 02 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm ông Lê Trọng Nghĩa - thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, Người đại diện theo pháp luật kể từ ngày 01/03/2024.	100%	Đã hoàn thành
7	Nghị quyết 80/NQ-HĐQT	05/04/2024 (Họp lần 03 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2018-2022)	<p>(1) Thông qua các nội dung, tài liệu trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, bao gồm:</p> <p>a. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024.</p> <p>b. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024.</p> <p>c. Thông qua Tờ trình bầu thành viên</p>	100%	Đã hoàn thành



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			<p>HĐQT và BKS của Tổng Công ty nhiệm kỳ 2024-2029.</p> <p>d. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.</p> <p>e. Thông qua Tờ trình phê duyệt chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.</p> <p>g. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP.</p> <p>h. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP.</p> <p>i. Thông qua Tờ trình chủ trương giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.</p> <p>(2) Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán; Các ý kiến ngoại trừ trên báo cáo tài chính; Quyết</p>		





STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			toán quỹ lương CB-CNV năm 2023. (3) Thông qua Tờ trình phê duyệt quỹ lương kế hoạch của CB-CNV năm 2024. (4) Thông qua chi phí thù lao của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV.		
8	Nghị quyết 01/NQ-HĐQT	29/04/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	Hội đồng quản trị thống nhất bầu ông Nguyễn An Định - TV.HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP nhiệm kỳ 2024-2029 đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty kể từ ngày 29/4/2024.	100%	Đã hoàn thành
9	Nghị quyết 02/NQ-HĐQT	29/04/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm bà Lê Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm Thư ký Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP theo nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT 2024 - 2029 kể từ ngày	100%	Đã hoàn thành



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			29/4/2024.		
10	Nghị quyết 03/NQ- HĐQT	29/04/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Lê Trọng Nghĩa - TV.HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP theo nhiệm kỳ thành viên HĐQT 2024-2029, đồng thời là Người đại diện theo pháp luật từ ngày 29/4/2024.	100%	Đã hoàn thành
11	Nghị quyết 04/NQ- HĐQT	29/04/2024 (Họp lần 01 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	(1) Hội đồng quản trị thống nhất thông qua ông Lê Trọng Nghĩa - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Người công bố thông tin của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP. Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm ông Huỳnh Quốc Huy là Người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP theo nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT 2024 -	100%	Đã hoàn thành



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			2029 kể từ ngày 29/4/2024.		
12	Nghị quyết 05/NQ-HĐQT	06/09/2024 (Họp lần 02 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	Thông nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức năm 2023.	100%	Đã hoàn thành
13	Nghị quyết 06/NQ-HĐQT	06/09/2024 (Họp lần 02 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	Thông nhất giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.	100%	Đã hoàn thành
14	Nghị quyết 07/NQ-HĐQT	06/09/2024 (Họp lần 02 - năm 2024, Nhiệm kỳ 2024-2029)	<p>(1) Thông nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2024.</p> <p>(2) Thông nhất thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ, Công ty cổ phần Hưng Vượng và công ty TNHH YCH – Protrade.</p> <p>+ Thông qua chủ trương nghiên cứu xây dựng phương án phát triển hoặc thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết. Trước tên là 03 công ty: Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ, Công ty cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH YCH-Protrade.</p> <p>+ Giao Tổng Giám đốc</p>	100%	<p>(1) Đã hoàn thành.</p> <p>(2) Ban Tổng Giám đốc đã thống nhất lựa chọn, ký hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự (ACG) để thực hiện dịch vụ tư vấn lập kế hoạch chiến lược 05 năm 2025-2029. Căn cứ kế hoạch chiến lược 05 năm, Ban Tổng Giám đốc sẽ</p>



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			<p>thực hiện các thủ tục cần thiết để lập phương án phát triển hoặc thoái vốn trình Hội đồng quản trị Tổng Công ty thông qua.</p> <p><b>(3)</b> Thống nhất thông qua chủ trương thuê đơn vị tư vấn để thực hiện xây dựng chiến lược kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2024 – 2029.</p> <p>+ Thông qua chủ trương thuê đơn vị tư vấn để thực hiện xây dựng chiến lược kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2024 – 2029.</p> <p>+ Giao Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc tìm kiếm, lựa chọn và ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn phù hợp.</p> <p><b>(4)</b> Thống nhất thông qua phương án giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.</p> <p>+ Thống qua phương án giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú. Đối với việc xử lý quỹ khen thưởng phúc lợi, thống nhất phương án: Khi kết thúc thời gian giải thể, nếu không xử lý thu hồi được khoản đầu tư 10.697.040.000 đồng thì sẽ chuyển khoản đầu tư này về</p>		<p>tiếp tục trình HĐQT thông qua phương án phát triển hoặc thoái vốn tại các đơn vị, trước hết là 03 công ty: Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ, Công ty cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH YCH-Protrade.</p> <p><b>(3)</b> Ban Tổng Giám đốc đã thống nhất lựa chọn, ký hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự (ACG) để thực hiện dịch vụ tư vấn lập kế hoạch chiến lược 05 năm 2025-2029</p>



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			cho Tổng Công ty và ghi nhận khoản phải thu cho ông Trần Văn Nhó để tiếp tục xử lý thu hồi về cho Tổng Công ty. + Giao Tổng Giám đốc xem xét quy định pháp luật về thủ tục bán đấu giá tài sản kèm với quyền sử dụng đất để điều chỉnh phương án xử lý về đất đai (nếu có). Đồng thời giao Tổng Giám đốc thành lập Hội đồng giải thể và tiến hành các thủ tục, công việc có liên quan đến việc giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.		(4) Hội đồng giải thể Công ty Giấy Vĩnh Phú đang tiến hành các thủ tục có liên quan để thực hiện việc giải thể Công ty theo đúng tiến độ đề ra tại Phương án
15	Quyết định 21/QĐ-HDQT	01/03/2024 (Nhiệm kỳ 2018-2022)	Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Lê Trọng Nghĩa - thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, Người đại diện theo pháp luật kể từ ngày 01/03/2024.	100%	Đã hoàn thành
16	Quyết định 22/QĐ-HDQT	08/03/2024 (Nhiệm kỳ 2018-2022)	(1) Ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 vào ngày 29/03/2024. (2) Ngày tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ	100%	Đã hoàn thành





STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
			đồng thường niên năm 2024 vào ngày 29/04/2024.		
17	Quyết định 23/QĐ-HĐQT	01/03/2024 (Nhiệm kỳ 2018-2022)	Cử cán bộ đi công tác.	100%	Đã hoàn thành
18	Quyết định 24/QĐ-HĐQT	01/03/2024 (Nhiệm kỳ 2018-2022)	Thành lập Ban tổ chức Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%	Đã hoàn thành
19	Quyết định 01/QĐ-HĐQT	29/04/2024 (Nhiệm kỳ 2024-2029)	Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Lê Trọng Nghĩa - thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, Người đại diện theo pháp luật kể từ ngày 29/04/2024.	100%	Đã hoàn thành

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã nghiên cứu kỹ các tài liệu liên quan và đóng góp ý kiến khách quan, phản biện tích cực trên tinh thần xây dựng. Thực hiện tốt vai trò giám sát độc lập, thể hiện được giá trị trong việc hỗ trợ Hội đồng đưa ra các quyết định minh bạch, cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan.

Hội đồng quản trị ghi nhận sự chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, đồng thời tin tưởng rằng, trong thời gian tới, thành viên này sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình, đóng góp tích cực vào chiến lược phát triển bền vững và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại Protrade.

**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

HĐQT Tổng Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.

**e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT chuyên trách



STT	Thành viên	Chức vụ
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có.

## 2. Ban Kiểm soát

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

(\*) Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Trưởng BKS	23.000	0,0076%
2	Bà Trần Thị Tuyết Nga	Thành viên BKS	10.100	0,0034%
3	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	0	0%
4	Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS	0	0%

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát

#### Các cuộc họp của BKS

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát định kỳ tại Văn phòng Tổng Công ty, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ đúng theo định hướng và chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông cũng như tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Trưởng BKS	02/02	100%	



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
2	Bà Trần Thị Tuyết Nga	Thành viên BKS	01/02	50%	Tham gia BKS từ ngày 29/04/2024
3	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	02/02	100%	
4	Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS	02/02	100%	

**Hoạt động giám sát của BKS toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Đối với nội dung giám sát hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp và ban hành 14 Nghị quyết HĐQT để lấy ý kiến quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nội dung chủ yếu về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. BKS đã tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT; xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo với các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế quản trị và Điều lệ của Tổng Công ty. Nội dung họp, nghị quyết ban hành phù hợp thẩm quyền và nhiệm vụ của HĐQT.

- Đối với nội dung giám sát Ban Tổng giám đốc, Ban Điều hành:

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Về cơ bản, các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông được triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ. Cùng với đó, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành chỉ đạo, theo dõi sát sao.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

*Theo Báo cáo Tài Chính Hợp nhất 2024*

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2024 (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1.220.111.111
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT,	980.111.111



STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2024 (VNĐ)
		Tổng Giám đốc	
3	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT không điều hành	140.111.111
4	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT không điều hành	140.111.111
5	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	140.111.111
6	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành	140.111.111
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Trưởng BKS	140.111.111
2	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	140.111.111
3	Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS	140.111.111
<b>III</b>	<b>Kế toán trưởng</b>		
1	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	672.000.000

**b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

Tính đến ngày 31/12/2024.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Lê Trọng Nghĩa – TV. HĐQT, Tổng Giám đốc		70.000	0,0233%	0	0 %	Giảm tỷ lệ sở hữu
2	Ông Huỳnh Quốc Huy – Người UQ CBTT		35.200	0,012%	32.200	0,0107%	Giảm tỷ lệ sở hữu

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Theo BCTC Riêng Và BCTC Hợp Nhất năm 2024.



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn cổ đông nhà nước	ĐKKD số: 3702418724, cấp ngày: 01/12/2015, tại sở KH&ĐT Bình Dương	Tầng 17, Toà nhà Becamex Tower, số 230 ĐLBD, Phường Phú Hòa, TP.TDM, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	(1) Mua hàng hóa dịch vụ: 2.873.221.277
2	Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	Công ty con	ĐKKD số: 3700856169, cấp ngày: 29/10/2007, tại: sở KH&ĐT Bình Dương	xã An Tây, TX. Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam.	(1) Cổ tức và lợi nhuận được chia: 116.490.900.391 (2) Chi phí đi vay: 6.622.986.303 3) Tiền vay nhận được: 30.000.000.000 (4) Hoàn trả nợ vay: 80.000.000.000
3	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	KKD số: 3700772409, cấp ngày: 05/01/2007, tại sở KH&ĐT Bình Dương	Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 36, khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	(1) Chi phí đi vay: 2.959.246.575 (2) Tiền vay nhận được: 8.500.000.000
4	Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Công ty con	KKD số: 3700226985, cấp ngày: 13/8/2020, tại: sở KH&ĐT Bình Dương	77 Đại lộ Bình Dương, P. Lái Thiêu, TP. Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	(1) Mua hàng hóa dịch vụ: 2.393.138.499 (2) Thanh lý tài sản: 458.000.000 (3) Chi phí đi vay: 6.295.999.998
5	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp	Công ty mẹ.	ĐKKD số: 3700359664, cấp ngày:	90 đường Châu Văn Tiếp, P. Lái	(1) Mua hàng hóa dịch vụ: 471.817.118



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng
	Thuận An		1/1/2001, tại: sở KH&ĐT Bình Dương	Thiêu, TP. Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	
6	Công ty CP May Mặc Bình Dương	Công ty liên doanh - liên kết	ĐKKD số: 3700769438, cấp ngày: 23/12/2006, tại: Sở KH&ĐT Bình Dương	7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam	(1) Cổ tức và lợi nhuận được chia: 29.578.545.000  (2) Doanh thu bán hàng: 598.297.826
7	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Công ty liên doanh - liên kết	ĐKKD số: 3700850470, cấp ngày: 2/11/2007, tại: sở KH&ĐT Bình Dương	469 đường Trần Ngọc Lên, P. Hòa Phú, TP. TDM, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(1) Doanh thu bán hàng: 12.126.932  (2) Mua hàng hóa dịch vụ: 472.258.042
8	Công ty TNHH FrieslandCam pina Việt Nam	Công ty liên doanh – liên kết	ĐKKD số: 3700229344, cấp ngày: 30/6/2008, tại: Sở KH&ĐT Bình Dương	KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(1) Cổ tức và lợi nhuận được chia: 13.500.000.000  (2) Doanh thu bán hàng: 70.168.518
9	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên doanh – liên kết	ĐKKD số: 3700778619, cấp ngày: 06/10/2006, tại: sở KH&ĐT Bình Dương	365 đường Trần Ngọc Lên, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.	(1) Mua hàng hóa dịch vụ: 405.011.275  (2) Doanh thu bán hàng: 3.008.872.728
10	Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên doanh – liên kết	ĐKKD số: 3700560531, cấp ngày: 15/3/2004,	68A Nguyễn Văn Tiêt, KP. Đông Tư, P. Lái	(1) Doanh thu bán hàng: 308.322.782



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng
			tại: Sở KH&ĐT Bình Dương	Thiên, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	

**d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Quản trị Công ty (QTCT) tại Tổng Công ty luôn thực hành theo các hướng dẫn của Bộ nguyên tắc QTCT dành cho các công ty đại chúng Việt Nam, tham chiếu theo Bộ nguyên tắc QTCT của G20/ OECD, Thẻ điểm QTCT của ASEAN. Bên cạnh đó, Protrade còn tuân thủ theo các quy định của pháp luật về QTCT như: Nghị định 155/2020/ ND-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 96/2020/ TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nhiệm vụ công bố thông tin của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được công bố đúng quy định thông qua website Protrade.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị luôn được đưa ra đúng quy trình và phù hợp với thẩm quyền của mình, đồng thời tuân thủ các quyết định được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Ban Tổng Giám đốc điều hành công ty với sự tôn trọng tuyệt đối đối với luật pháp, đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động của công ty đều đúng theo quy định pháp luật hiện hành. Tổng Công ty luôn chú trọng đến tính minh bạch, công bằng và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đặt mục tiêu phát triển bền vững và có trách nhiệm xã hội, thông qua việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực và đồng thuận, và cam kết bảo vệ môi trường.

**VI. Báo cáo tài chính:**

Chi tiết đính kèm tại phụ lục 01./ *Thuy*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở GD Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông;
- Website công ty;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CHỦ TỊCH HĐQT**



*Nguyễn An Bình*





**Phụ lục 01: Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU  
BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(đã được kiểm toán)





**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**

A128 đường 3/2, khu phố Đồng Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07 - 57
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 57





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 vào ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2024, trước đó là thành viên HĐQT
Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên	
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2024, trước đó là Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	Đến ngày 29/02/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2024, trước đó là Thành viên BKS
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	
Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên	
Bà Trần Thị Tuyết Nga	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2024



## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn An Định – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Lê Trọng Nghĩa - Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Trọng Nghĩa**



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo nội dung tại thuyết minh số 42a và 42c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng chuyển giao đất đối với Công ty TNHH Phát Triển và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I, các giao dịch nêu trên đã được thực hiện căn cứ theo chủ trương đã được Tỉnh ủy Bình Dương chấp thuận và theo thỏa thuận giữa các bên. Lợi nhuận từ các giao dịch chuyển nhượng do phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa nên đã được Tổng Công ty điều chỉnh giảm trừ số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thuyết minh số 22. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, số dư các khoản mục nêu trên chưa được đối chiếu xác nhận, đồng thời Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Theo nội dung trình bày tại Thuyết minh số 42b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến việc chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình, tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu liên quan đến hợp đồng bồi thường kinh phí đất và chuyển giao đất phát sinh trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần với số tiền là 60 tỷ VND. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hiện tại các bên chưa có thỏa thuận về việc xử lý các nội dung liên quan đến hợp đồng nêu trên. Với các bằng chứng đã thu thập được, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp của giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), việc tính lãi tiền ứng vốn liên quan và khả năng thu hồi của khoản phải thu này, thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 41b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại thời điểm 31/12/2024, khoản phải thu này đã quá hạn tuy nhiên Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

Cũng liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, tại thuyết minh số 07 và 08 đang trình bày số dư các khoản cho vay và tiền lãi tương ứng đã quá hạn của Tân Thành với số tiền tại thời điểm 31/12/2024 lần lượt là 107,35 tỷ VND và 57,03 tỷ VND, số dự phòng đã trích lập tương ứng là 60,81 tỷ VND. Từ ngày 01/01/2023, Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi phát sinh tương ứng với dư nợ gốc cho Tân Thành vay. Số dư phải thu về lãi chậm thanh toán, lãi vay phát sinh từ các khoản phải thu về cho vay quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu đến thời điểm 31/12/2024 là 34,45 tỷ VND (đến thời điểm 01/01/2024 là 21,42 tỷ VND), tiền lãi phát sinh trong năm nay không được ghi nhận doanh thu là 13,02 tỷ VND (chi tiết tại thuyết minh số 09b).

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được khoản lãi vay, lãi chậm trả quá hạn cần được ghi nhận bổ sung cũng như khả năng thu hồi của các khoản phải thu nêu trên, số dự phòng cần trích lập và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

- Theo nội dung được trình bày tại thuyết minh số 08 và 41c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty phải nộp truy thu tiền sử dụng đất do áp sai đơn giá và tiền phạt chậm nộp tương ứng theo bản án của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, thông báo của Cục thuế Bình Dương và thông báo của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội với tổng số tiền là 1.060,22 tỷ VND. Tổng số tiền Tổng Công ty đã nộp và được khấu trừ là 1.060,22 tỷ VND, trong đó 806,17 tỷ VND nộp bằng tiền và 254,05 tỷ VND được cơ quan thi hành án khấu trừ, số được khấu trừ bao gồm:

- + Số tiền 128,36 tỷ VND do các cá nhân có liên quan nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty;
- + Số tiền 125,69 tỷ VND Tổng Công ty đã tạm nộp trong năm 2019, trong đó bao gồm số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú mà chúng tôi đã nêu ý kiến ngoại trừ các năm trước (xem thêm tại thuyết minh số 08 và 41a).

Tổng số tiền Tổng Công ty đã thực nộp và được khấu trừ nêu trên (không bao gồm số phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú) được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa" và đã được trích lập dự phòng với số dư trích lập lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 141,36 tỷ VND, trong đó số dự phòng ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay là 70,68 tỷ VND (thuyết minh số 08 và số 32) căn cứ theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, đồng thời số tiền các cá nhân đã nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty là 128,36 tỷ VND được ghi nhận khoản phải trả trên khoản mục "Phải trả khác" (thuyết minh số 22). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp và chính xác cũng như khả năng thu hồi của khoản Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa và số dư dự phòng tương ứng, số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú cũng như việc ghi nhận khoản phải trả cho các cá nhân liên quan đến bản án. Chúng tôi cũng chưa xác định được việc có cần ghi nhận bổ sung nghĩa vụ tiền sử dụng đất và tiền phạt chậm nộp (nếu có) liên quan đến các khoản truy thu tiền sử dụng đất của các lô đất khác theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV năm 2017 và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các nội dung sau:

- Tổng Công ty đang trình bày giá trị bất động sản đầu tư nắm giữ với mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất có tổng giá trị 78 tỷ VND tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m<sup>2</sup> theo nội dung tại Thuyết minh số 14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Bất động sản đầu tư này được mua trước giai đoạn Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu cho Tổng Công ty.
- Các lô đất tại xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương mà Tổng Công ty đã mua trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần đã được Tổng Công ty bàn giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Chi phí đầu tư của các lô đất này đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" - Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương (chi tiết tại thuyết minh số 11 - ghi chú (3) của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất), việc xử lý khoản chi phí này đang được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét phê duyệt.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018, xem chi tiết tại thuyết minh số 43.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4700-2024-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.957.636.966.110</b>	<b>2.053.125.919.589</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>354.991.394.148</b>	<b>547.387.693.841</b>
111	1. Tiền		134.991.394.148	153.887.693.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		220.000.000.000	393.500.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>622.368.825.260</b>	<b>320.384.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		622.368.825.260	320.384.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>442.155.349.891</b>	<b>638.476.840.600</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	37.821.872.248	158.846.540.692
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	12.792.967.683	44.272.660.423
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	107.347.102.061	149.682.975.611
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	352.266.064.814	346.945.705.413
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(68.072.656.915)	(61.271.041.539)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>497.624.435.969</b>	<b>506.845.840.411</b>
141	1. Hàng tồn kho		536.158.286.568	546.224.683.111
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(38.533.850.599)	(39.378.842.700)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>40.496.960.842</b>	<b>40.031.544.737</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.756.822.415	4.380.386.132
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.041.801.337	14.165.927.110
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	18.698.337.090	21.485.231.495
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.614.126.367.543</b>	<b>3.779.262.447.404</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>900.813.078.315</b>	<b>971.489.728.412</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	60.000.000.000	60.000.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	07	9.896.049.652	9.896.049.652
216	3. Phải thu dài hạn khác	08	972.280.328.857	972.275.328.857
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(141.363.300.194)	(70.681.650.097)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.469.269.879.750</b>	<b>1.547.378.597.810</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	936.112.357.788	987.821.934.487
222	- Nguyên giá		1.914.012.940.341	1.884.887.777.878
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(977.900.582.553)	(897.065.843.391)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	533.157.521.962	559.556.663.323
228	- Nguyên giá		719.045.899.277	719.116.751.536
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(185.888.377.315)	(159.560.088.213)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	14	<b>186.745.719.828</b>	<b>189.902.743.404</b>
231	- Nguyên giá		201.186.380.934	201.186.380.934
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.440.661.106)	(11.283.637.530)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>130.981.075.686</b>	<b>133.539.108.352</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	130.981.075.686	133.539.108.352
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>832.730.493.010</b>	<b>820.003.242.053</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		830.828.760.210	818.101.509.253
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.901.732.800	1.901.732.800
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>93.586.120.954</b>	<b>116.949.027.373</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	93.586.120.954	116.949.027.373
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.571.763.333.653</b>	<b>5.832.388.366.993</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.586.481.818.113</b>	<b>1.851.217.471.957</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.286.019.824.407</b>	<b>1.531.693.000.619</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	25.353.956.906	18.219.276.174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	11.696.212.080	30.962.446.112
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	25.064.591.894	47.852.068.363
314	4. Phải trả người lao động		38.198.559.743	30.383.450.664
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	513.377.576.687	526.300.188.202
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	12.798.799.437	13.790.669.300
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	637.398.626.527	634.023.929.676
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	-	202.654.532.834
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	995.000.000
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22.131.501.133	26.511.439.294
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>300.461.993.706</b>	<b>319.524.471.338</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	19.581.795.876	23.004.297.221
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	78.871.135.679	76.765.338.991
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36	202.009.062.151	219.754.835.126
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.985.281.515.540</b>	<b>3.981.170.895.036</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>3.985.281.515.540</b>	<b>3.981.170.895.036</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.949.349.305	11.949.349.305
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(35.469.525.274)	(35.469.525.274)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24	(163.830.900.079)	(176.349.894.433)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		67.803.316.727	63.703.539.966
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		661.421.958.114	725.688.007.574
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		541.074.405.409	622.066.882.261
421b	LNST chưa phân phối năm nay		120.347.552.705	103.621.125.313
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		443.407.316.747	391.649.417.898
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.571.763.333.653</b>	<b>5.832.388.366.993</b>

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Quyên

Nguyễn Thị Kim Phượng

Lê Trọng Nghĩa





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	988.625.452.359	1.158.033.524.801
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	1.434.514.231	1.578.339.946
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		987.190.938.128	1.156.455.184.855
11	4. Giá vốn hàng bán	28	687.342.463.448	797.986.459.244
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		299.848.474.680	358.468.725.611
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	41.642.485.223	48.637.233.062
22	7. Chi phí tài chính	30	8.475.321.464	22.213.656.423
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.026.302.566	10.862.555.725
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		77.482.884.976	89.169.150.642
25	9. Chi phí bán hàng	31	34.997.577.421	43.055.752.075
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	236.876.221.312	267.185.138.082
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		138.624.724.682	163.820.562.735
31	12. Thu nhập khác	33	9.998.676.865	5.220.753.845
32	13. Chi phí khác	34	2.606.223.225	1.722.568.149
40	14. Lợi nhuận khác		7.392.453.640	3.498.185.696
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		146.017.178.322	167.318.748.431
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	33.701.979.733	45.256.337.549
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	(12.322.114.453)	3.551.999.916
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		124.637.313.042	118.510.410.966
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		79.251.720.741	103.621.125.313
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		45.385.592.301	14.889.285.653
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	240	328

Người lập

Nguyễn Hồng Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc  
  
TỔNG CÔNG TY  
SẢN XUẤT-  
XUẤT NHẬP KHẨU  
BÌNH DƯƠNG  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TP THUAN AN-T. BÌNH DƯƠNG

Lê Trọng Nghĩa



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		146.017.178.322	167.318.748.431
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		97.062.867.954	99.551.538.621
03	- Các khoản dự phòng		75.643.273.372	122.661.903.172
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		873.887.608	528.336.400
05	- Lỗ từ hoạt động đầu tư		(111.654.869.932)	(127.629.657.932)
06	- Chi phí lãi vay		3.026.302.566	10.862.555.725
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		210.968.639.890	273.293.424.417
09	- Biến động các khoản phải thu		151.116.973.882	(563.329.782.177)
10	- Biến động hàng tồn kho		6.259.217.691	49.021.289.197
11	- Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(16.935.610.057)	166.975.653.740
12	- Biến động chi phí trả trước		21.986.470.136	18.695.186.205
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.183.933.827)	(10.953.222.951)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(55.124.018.196)	(48.243.780.810)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.206.832.626)	(6.981.824.669)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		302.880.906.893	(121.523.057.048)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.409.976.682)	(46.134.324.074)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.527.244.284	841.045.753
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(301.984.825.260)	(264.022.154)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		42.335.873.550	351.216.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		70.827.526.366	119.272.486.961
28	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(206.704.157.742)	424.931.186.486



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		66.572.691.765	492.677.179.442
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(269.227.224.599)	(418.213.490.337)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(89.974.503.368)	(150.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(292.629.036.202)	(75.536.310.895)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(196.452.287.051)	227.871.818.543
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		547.387.693.841	311.401.475.694
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.055.987.358	8.114.399.604
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	354.991.394.148	547.387.693.841

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Hồng Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2024**

### **1. THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 vào ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.000.000.000.000 VND tương đương với 300.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 934 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 946 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ sân golf và hạ tầng khu công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chế tạo, lắp ráp các khung nhà, xưởng bằng kim loại;
- Mua bán các loại máy móc, vật tư, thiết bị, cơ khí điện lạnh và các nguyên liệu về kim loại;
- Khai thác gỗ ...

#### **Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay tăng 6,13 tỷ VND, tương ứng tăng 5,17% so với năm trước. Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh giảm 169,41 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 14,63%. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 110,64 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 13,87% chủ yếu do tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị thành viên gặp khó khăn. Điều này dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 58,62 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 16,35%;
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 6,99 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 14,38% chủ yếu do giảm cổ tức nhận được từ các đơn vị thành viên; Chi phí hoạt động tài chính giảm 13,74 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 61,85% chủ yếu do giảm chi phí lãi vay và giảm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 30,31 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 11,34% chủ yếu do giảm chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.



**Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:**

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Sản xuất hàng sợi, vải, may mặc
2	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ giấy
3	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
4	Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ Golf
5	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	51,00%	51,00%	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

#### **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi ;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

#### **2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### **2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.



## **2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,...được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## **2.10 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.11 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.12 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Khấu hao tài sản đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.



### 2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 năm |
| - Quyền sử dụng đất      | 44 năm      |

### 2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

### 2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.18 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



#### **2.19 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.20 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán: căn cứ phân chênh lệch giữa chi phí theo đơn giá dự toán và chi phí thực tế tổng hợp.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.21 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

#### **2.22 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### **2.23 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.



## **2.24 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

### *Doanh thu cho thuê đất đã phát triển hạ tầng*

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng là doanh thu tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.25 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## **2.26 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

## **2.27 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

### **b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### **c) Chính sách ưu đãi thuế**

- Tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade: Công ty được áp dụng mức thuế suất bằng 10% lợi nhuận thu được trong mười lăm năm (15) kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và thuế suất bằng 20% cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm (04) tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (kỳ kế toán kết thúc ngày 31/10/2018) và được giảm 50% đối với thuế suất áp dụng trong chín (09) năm tiếp theo;
- Tại Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 18% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính và mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường đối với thu nhập khác.

### **d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## **2.29 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



### 2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	6.167.625.217	5.474.136.317
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	128.698.648.391	148.324.435.429
Tiền đang chuyển	125.120.540	89.122.095
Các khoản tương đương tiền (*)	220.000.000.000	393.500.000.000
	<b>354.991.394.148</b>	<b>547.387.693.841</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 220.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,5%/năm đến 4,6%/năm.



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	622.368.825.260	-	320.384.000.000	-
	<u>622.368.825.260</u>	<u>-</u>	<u>320.384.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng có giá trị 622.368.825.260 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,7%/năm đến 9,1%/năm.



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Mã chứng khoán	Địa chỉ	31/12/2024			01/01/2024		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	29.062.080.416	35,00%	35,00%	49.052.241.080
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	81.341.049.171	30,00%	30,00%	130.476.956.315
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%	164.427.813.622	27,52%	24,00%	169.655.733.087
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	19.898.639.040	30,90%	30,90%	3.414.669.512
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	131.947.725.889	30,00%	30,00%	105.057.003.487
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	92.820.245.447	41,74%	30,00%	97.563.285.996
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	47,71%	47,71%	311.331.206.625	47,71%	47,71%	262.881.619.776
BDG							
				830.828.760.210			818.101.509.253

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh số 46.



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	1.901.732.800	-	-	1.901.732.800	-	-	1.901.732.800	-
	1.901.732.800	-	-	1.901.732.800	-	-	1.901.732.800	-

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<i>Bên liên quan</i>	<b>471.136.702</b>	-	<b>730.556.584</b>	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	346.024.800	-	603.196.000	-
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	72.708.500	-	43.889.382	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	52.403.402	-	83.471.202	-
<i>Bên khác</i>	<b>37.350.735.546</b>	<b>(4.203.850.588)</b>	<b>158.115.984.108</b>	<b>(4.982.180.088)</b>
- Công ty TNHH Thực nghiệp HL-VT Việt Nam	-	-	25.961.994.916	-
- Công ty TNHH Đông Tuấn Việt Nam	-	-	4.341.940.834	-
- Công ty TNHH Summer Wind	-	-	20.803.783.790	-
- Các khách hàng khác	37.350.735.546	(4.203.850.588)	107.008.264.568	(4.982.180.088)
	<b>37.821.872.248</b>	<b>(4.203.850.588)</b>	<b>158.846.540.692</b>	<b>(4.982.180.088)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần An Bình (*)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
	<b>60.000.000.000</b>	-	<b>60.000.000.000</b>	-

(\*) Đây là khoản phải thu chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tuy nhiên, vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 42b.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Ông Bùi Thanh Hải	10.207.700.000	(3.062.310.000)	10.207.700.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	-	-	22.344.298.604	-
- Công ty TNHH Lào Bidina	-	-	10.185.842.279	-
- Các khách hàng khác	2.585.267.683	-	1.534.819.540	-
	<b>12.792.967.683</b>	<b>(3.062.310.000)</b>	<b>44.272.660.423</b>	-



7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành <sup>(1)</sup>	148.547.102.061	(32.204.130.618)	-	41.200.000.000	107.347.102.061	(32.204.130.618)
<i>Bên khác</i>						
- Điện lực Bình Dương <sup>(2)</sup>	1.135.873.550	-	-	1.135.873.550	-	-
	<u>149.682.975.611</u>	<u>(32.204.130.618)</u>	<u>-</u>	<u>42.335.873.550</u>	<u>107.347.102.061</u>	<u>(32.204.130.618)</u>
b) Dài hạn						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty TNHH Du lịch D&M <sup>(3)</sup>	9.896.049.652	-	-	-	9.896.049.652	-
	<u>9.896.049.652</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.896.049.652</u>	<u>-</u>



7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành

Hợp đồng cho vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
- Hợp đồng vay vốn số 01/2021/HĐVV ngày 01/11/2021	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,25%/năm	12 tháng	Tín chấp	-	41.200.000.000
- Hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019	VND	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	36 tháng kể từ ngày 01/01/2020	Tín chấp	25.847.102.061	25.847.102.061
- Hợp đồng vay vốn số 2017/HĐVV ngày 30/11/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019	VND	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	36 tháng kể từ ngày 01/01/2020	Tín chấp	81.500.000.000	81.500.000.000
						<b>107.347.102.061</b>	<b>148.547.102.061</b>

(2) Đây là khoản ứng vốn cho Công ty Điện lực Bình Dương ("BĐC") về việc xây dựng hệ thống lưới điện 22 Kilo Vôn tại Khu Công nghiệp An Tây theo hợp đồng số 56/HĐ-PCBD ký ngày 30 tháng 1 năm 2019 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó, Công ty cấp khoản ứng vốn này cho BĐC nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống lưới điện, nhờ đó thu hút thêm khách hàng thuê đất tại Khu Công nghiệp. Số tiền này sẽ được thanh toán dần dựa trên doanh thu mà BĐC có được từ việc cung cấp điện.

Thông tin chi tiết về khoản cho vay dài hạn như sau:

(3) Khoản phải thu Công ty TNHH Du lịch D&M về cho vay triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận do Công ty TNHH Du lịch D&M làm chủ đầu tư với lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo là tín chấp. Theo Biên bản bàn giao số 02/BBBG-TCTY ngày 29/06/2021 về việc chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn tại Công ty TNHH Du lịch D&M của Tổng Công ty cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương ("IMPCo"), trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt, IMPCo có trách nhiệm hoàn trả lại khoản vay của Công ty TNHH Du lịch D&M cho Tổng Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tỉnh ủy Bình Dương vẫn chưa có văn bản phê duyệt nội dung nêu trên.



8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	172.913.753.054	(28.602.365.709)	172.913.753.054	(24.084.730.833)
+ Tiền lãi cho vay ngắn hạn	57.029.572.232	(28.602.365.709)	57.029.572.232	(24.084.730.833)
+ Tiền lãi bổ sung theo thỏa thuận <sup>(1)</sup>	115.884.180.822	-	115.884.180.822	-
- Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	12.255.156.053	-	8.757.577.407	-
- Phải thu về tạm ứng	13.914.351.875	-	13.792.998.956	-
- Các khoản thế chấp, ký quỹ	236.729.085	-	236.729.085	-
- Phải thu Cục thuế Bình Dương tiền hoàn thuế do hủy hợp đồng <sup>(2)</sup>	61.014.602.231	-	61.014.602.231	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú tiền chênh lệch giá chuyển nhượng khu đất 43 ha <sup>(3)</sup>	87.986.422.597	-	87.986.422.597	-
- Phải thu khác	3.945.049.919	-	2.243.622.083	-
	<b>352.266.064.814</b>	<b>(28.602.365.709)</b>	<b>346.945.705.413</b>	<b>(24.084.730.833)</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>173.786.402.790</b>	<b>(28.602.365.709)</b>	<b>173.587.446.801</b>	<b>(24.084.730.833)</b>
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	872.649.736	-	673.693.747	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	172.913.753.054	(28.602.365.709)	172.913.753.054	(24.084.730.833)
<b>Bên khác</b>	<b>178.479.662.024</b>	<b>-</b>	<b>173.358.258.612</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú	87.986.422.597	-	87.986.422.597	-
- Cục thuế Bình Dương	61.014.602.231	-	61.014.602.231	-
- Các đối tượng khác	29.478.637.196	-	24.357.233.784	-
	<b>352.266.064.814</b>	<b>(28.602.365.709)</b>	<b>346.945.705.413</b>	<b>(24.084.730.833)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Các khoản ký quỹ, ký cược	42.000.000	-	37.000.000	-
- Phải thu tạm nộp bổ sung tiền sử dụng đất chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa <sup>(4)</sup>	972.238.328.857	(141.363.300.194)	972.238.328.857	(70.681.650.097)
	<b>972.280.328.857</b>	<b>(141.363.300.194)</b>	<b>972.275.328.857</b>	<b>(70.681.650.097)</b>

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành tiền lãi cho vay phát sinh theo Biên bản thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41b.

<sup>(2)</sup> Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42c.

<sup>(3)</sup> Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41a.

<sup>(4)</sup> Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41c.



**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
+ Các khách hàng khác	2.293.793.650	-	2.361.793.650	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>				
+ Ông Bùi Thanh Hải	10.207.700.000	7.145.390.000	10.207.700.000	10.207.700.000
<b>Phải thu về cho vay</b>				
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	107.347.102.061	75.142.971.443	148.547.102.061	116.342.971.443
<b>Phải thu khác</b>				
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành (*)	172.913.753.054	144.311.387.345	172.913.753.054	148.829.022.221
+ Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa (**)	972.238.328.857	830.875.028.663	972.238.328.857	901.556.678.760
+ Đối tượng khác	2.598.731.274	688.674.336	3.309.060.774	688.674.336
	<b>1.267.599.408.896</b>	<b>1.058.163.451.787</b>	<b>1.309.577.738.396</b>	<b>1.177.625.046.760</b>

Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu

+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành (*)	34.446.858.984	21.423.781.862
	<b>34.446.858.984</b>	<b>21.423.781.862</b>

(\*) Từ ngày 01/01/2023, Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi cho vay, lãi chậm thanh toán tương ứng với dư nợ gốc cho vay của Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành do không đánh giá được khả năng thu hồi chắc chắn.

(\*\*) Đây là số phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa, khả năng thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc và kết quả quyết toán cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41c.

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.865.393.052	-	29.836.040.235	(428.462.450)
Công cụ, dụng cụ	2.262.617.407	-	2.500.858.308	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	337.355.319.537	-	315.038.206.989	-
- Dự án Khu công nghiệp Quốc tế Protrade (*)	330.134.410.850	-	314.966.275.292	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	7.220.908.687	-	71.931.697	-
Thành phẩm	15.467.217.841	-	34.326.739.628	-
Hàng hoá (**)	168.207.738.731	(38.533.850.599)	164.522.837.951	(38.950.380.250)
	<b>536.158.286.568</b>	<b>(38.533.850.599)</b>	<b>546.224.683.111</b>	<b>(39.378.842.700)</b>



(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí đầu tư bất động sản nắm giữ để bán tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan	114.853.823.066	131.430.683.225
- Chi phí xây dựng	163.980.256.703	125.571.054.255
- Chi phí thiết kế và phát triển kết cấu hạ tầng	42.893.675.090	48.465.809.075
- Chi phí lãi vay vốn hóa	5.355.727.978	6.051.467.707
- Chi phí quản lý dự án	3.050.928.013	3.447.261.030
	<b>330.134.410.850</b>	<b>314.966.275.292</b>

(\*\*) Hàng hóa chủ yếu là các loại cây kiểng phục vụ kinh doanh tại Công ty mẹ - Tổng Công ty và hàng hóa nhu yếu phẩm, xăng dầu tại Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An.

## 11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản	2.368.969.839	1.911.955.924
- Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây <sup>(1)</sup>	65.385.067.962	64.538.316.086
- Cụm công nghiệp An Điền <sup>(2)</sup>	3.240.218.299	3.240.218.299
- Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương <sup>(3)</sup>	8.474.786.210	8.474.786.210
- Khu quy hoạch Gò Chai <sup>(4)</sup>	40.038.834.627	40.038.834.627
- Các công trình khác	11.473.198.749	15.334.997.206
	<b>130.981.075.686</b>	<b>133.539.108.352</b>

(1) Tên dự án: Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây;

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
- Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Mục tiêu: Đầu tư khu tái định cư;
- Quy mô: 8,8 ha;

- Tình trạng dự án tại ngày 31/12/2024: Tổng Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất cho dự án, hiện tại đang thực hiện các thủ tục pháp lý để tách sổ và bàn giao đất cho từng hộ dân trong khu tái định cư. Chi phí phát sinh lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng của dự án. Liên quan đến dự án này, sau khi hoàn tất nghĩa vụ pháp lý là cấp sổ cho các hộ dân, Tổng Công ty sẽ quyết toán với Tỉnh ủy Bình Dương về toàn bộ các giao dịch có liên quan gồm khoản tiền đã thu trước của các hộ dân được trình bày tại Thuyết minh số 22 do có liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Do đó, số liệu này có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

(2) Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Điền;

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
- Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp An Điền;
- Tổng vốn đầu tư: 194.330.575.584 VND;
- Quy mô: 7,9 ha;

- Tình trạng dự án tại ngày 31/12/2024: hiện tại đang tạm ngưng thực hiện để Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét chủ trương hoán đổi đất để thực hiện dự án.



(3) Tên dự án: Mua đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV;
- Địa điểm: xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;
- Mục tiêu: Nắm giữ chờ tăng giá;
- Quy mô: 564 m<sup>2</sup>;
- Tình trạng dự án tại ngày 31/12/2024: căn cứ theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, Tổng Công ty đã tiến hành bàn giao 02 khu đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 khu đất có diện tích 564 m<sup>2</sup> tại phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương vào ngày 14/11/2023. Về xử lý chi phí đầu tư vào đất, Sở Tài chính đang lập hội đồng để xác định và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

(4) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42c.



**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Vườn cây lâu năm		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>													
Số dư đầu năm	907.513.122.089	136.309.430.124	110.128.531.805	5.688.829.421	27.203.113.116	698.044.751.323	1.884.887.777.878						
- Mua trong năm	-	5.078.885.603	-	174.698.455	11.469.000.000	-	16.722.584.058						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.245.425.290	-	-	-	-	-	8.245.425.290						
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	5.043.326.742	1.119.044.336	1.071.815.137	9.301.253	152.585.984	18.375.470.704	25.771.544.156						
- Thanh lý, nhượng bán	(8.416.222.797)	(11.084.473.487)	(1.922.324.273)	(191.370.484)	-	-	(21.614.391.041)						
- Phân loại lại	1	(1)	-	-	-	-	-						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>912.385.651.325</b>	<b>131.422.886.575</b>	<b>109.278.022.669</b>	<b>5.681.458.645</b>	<b>38.824.699.100</b>	<b>716.420.222.027</b>	<b>1.914.012.940.341</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>													
Số dư đầu năm	537.875.963.455	109.792.111.691	72.610.953.054	4.991.293.206	17.614.756.682	154.180.765.303	897.065.843.391						
- Khấu hao trong năm	29.987.114.844	7.467.081.545	7.909.843.285	338.237.658	2.723.875.442	21.678.522.913	70.104.675.687						
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	2.438.584.280	744.517.377	846.604.583	9.301.253	152.585.984	5.868.761.381	10.060.354.858						
- Thanh lý, nhượng bán	(7.178.650.270)	(10.739.371.767)	(1.903.179.180)	(191.370.484)	-	-	(20.012.571.701)						
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản thực hiện trong năm	2.167.117.322	403.430.795	841.217.867	-	-	17.270.514.334	20.682.280.318						
- Phân loại lại	(11.113.590)	(423.190.980)	348.917.817	85.386.753	-	-	-						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>565.279.016.041</b>	<b>107.244.578.661</b>	<b>80.654.357.426</b>	<b>5.232.848.386</b>	<b>20.491.218.108</b>	<b>198.998.563.931</b>	<b>977.900.582.553</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>													
Tại ngày đầu năm	369.637.158.634	26.517.318.433	37.517.578.751	697.536.215	9.588.356.434	543.863.986.020	987.821.934.487						
Tại ngày cuối năm	347.106.635.284	24.178.307.914	28.623.665.243	448.610.259	18.333.480.992	517.421.658.096	936.112.357.788						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 231.407.335.966 VND.



13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	713.996.996.361	5.032.755.175	87.000.000	719.116.751.536
- Thanh lý, nhượng bán	-	(238.980.000)	-	(238.980.000)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	141.691.000	26.436.741	-	168.127.741
Số dư cuối năm	714.138.687.361	4.820.211.916	87.000.000	719.045.899.277
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	155.581.201.958	3.948.389.481	30.496.774	159.560.088.213
- Khấu hao trong năm	23.481.241.041	302.527.650	17.400.000	23.801.168.691
- Thanh lý, nhượng bán	-	(238.980.000)	-	(238.980.000)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	137.266.971	-	-	137.266.971
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản thực hiện trong năm	2.628.833.440	-	-	2.628.833.440
Số dư cuối năm	181.828.543.410	4.011.937.131	47.896.774	185.888.377.315
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	558.415.794.403	1.084.365.694	56.503.226	559.556.663.323
Tại ngày cuối năm	532.310.143.951	808.274.785	39.103.226	533.157.521.962

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.164.198.026 VND.



#### 14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

##### a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	36.852.375.106	86.334.005.828	123.186.380.934
Số dư cuối năm	<b>36.852.375.106</b>	<b>86.334.005.828</b>	<b>123.186.380.934</b>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.321.022.645	6.962.614.885	11.283.637.530
- Khấu hao trong năm	883.783.188	2.273.240.388	3.157.023.576
Số dư cuối năm	<b>5.204.805.833</b>	<b>9.235.855.273</b>	<b>14.440.661.106</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	32.531.352.461	79.371.390.943	111.902.743.404
Tại ngày cuối năm	<b>31.647.569.273</b>	<b>77.098.150.555</b>	<b>108.745.719.828</b>

##### b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Tại thời điểm 31/12/2024, bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất nắm giữ chờ tăng giá tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m<sup>2</sup> và nguyên giá là 78 tỷ VND. Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư này được mua trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần và đến thời điểm 31/12/2024 vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho Tổng Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề pháp lý của khu đất này.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.359.500.899	1.340.805.397
- Phí hoa hồng môi giới	1.339.209.626	1.829.365.409
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.058.111.890	1.210.215.326
	<b>5.756.822.415</b>	<b>4.380.386.132</b>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ đang phân bổ	1.223.290.170	4.550.700.613
- Chi phí thuê đất	1.660.896.514	1.327.521.611
- Chi phí thẻ hội viên sân golf	1.678.962.075	1.731.843.015
- Chi phí sửa chữa tài sản	9.549.720.870	10.580.449.122
- Lợi thế kinh doanh (*)	77.366.741.948	97.549.313.156
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.106.509.377	1.209.199.856
	<b>93.586.120.954</b>	<b>116.949.027.373</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa từ thời điểm 31/10/2018 với tổng giá trị là 225.027.243.876 VND, bao gồm tại Công ty mẹ là 193.020.005.291 VND với thời gian phân bổ 10 năm, tại Công ty TNHH MTV Sân golf Sông Bé là 8.805.899.908 VND với thời gian phân bổ 10 năm và tại Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú là 23.201.338.677 VND với thời gian phân bổ 6 năm. Tổng chi phí đã phân bổ trong năm là 20.182.571.208 VND.



16 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn	168.227.107.982	168.227.107.982	66.572.691.765	234.373.294.694	(426.505.053)	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	16.874.913.626	16.874.913.626	4.738.235.600	21.358.173.196	(254.976.030)	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào	11.352.194.356	11.352.194.356	61.834.456.165	73.015.121.498	(171.529.023)	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	140.000.000.000	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	34.427.424.852	34.427.424.852	-	33.907.234.449	(520.190.403)	-	-
- Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào Chi nhánh Champasak	34.427.424.852	34.427.424.852	-	33.907.234.449	(520.190.403)	-	-
	202.654.532.834	202.654.532.834	66.572.691.765	268.280.529.143	(946.695.456)	-	-
b) Vay dài hạn							
- Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào Chi nhánh Champasak	34.427.424.852	34.427.424.852	-	33.907.234.449	(520.190.403)	-	-
	34.427.424.852	34.427.424.852	-	33.907.234.449	(520.190.403)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.427.424.852)	(34.427.424.852)	-	(33.907.234.449)	520.190.403	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-



17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>17.295.494.141</b>	<b>17.295.494.141</b>	<b>1.665.143.485</b>	<b>1.665.143.485</b>
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Quản Lý Dự án Bình Dương	1.867.850.023	1.867.850.023	1.534.244.371	1.534.244.371
- Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	11.360.000	11.360.000	22.660.000	22.660.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	10.289.364.119	10.289.364.119	-	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	-	-	108.239.114	108.239.114
- Nguyễn Đức Hùng	2.257.428.759	2.257.428.759	-	-
- Công ty Phone Theb Ja Lorn Xay Trading Sole Co., Ltd	2.869.491.240	2.869.491.240	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>8.058.462.765</b>	<b>8.058.462.765</b>	<b>16.554.132.689</b>	<b>16.554.132.689</b>
- Công ty TNHH MTV Cao su Hồ Chí Minh	-	-	9.259.843.993	9.259.843.993
- Phải trả các đối tượng khác	8.058.462.765	8.058.462.765	7.294.288.696	7.294.288.696
	<b>25.353.956.906</b>	<b>25.353.956.906</b>	<b>18.219.276.174</b>	<b>18.219.276.174</b>

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	7.072.341.190
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lễ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH An Chiao Molds	-	12.615.764.198
- Các khách hàng khác	1.696.212.080	1.274.340.724
	<b>11.696.212.080</b>	<b>30.962.446.112</b>

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phí dịch vụ sân golf	7.348.790.152	8.429.198.820
- Doanh thu thẻ hội viên sân golf Palm Sông Bé	5.097.523.545	4.955.541.465
- Các khoản khác	352.485.740	405.929.015
	<b>12.798.799.437</b>	<b>13.790.669.300</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phí dịch vụ sân golf	-	10.535.354
- Doanh thu thẻ hội viên sân golf Palm Sông Bé	19.581.795.876	22.771.672.227
- Các khoản khác	-	222.089.640
	<b>19.581.795.876</b>	<b>23.004.297.221</b>



20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	2.337.904.655	2.355.187.524	34.065.472.484	34.737.567.555	6.761.618	-	1.689.854.071
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.699.017.776	26.738.047.886	26.918.855.466	-	-	2.518.210.196
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	8.181.073	8.181.073	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.662.011.088	40.144.473.485	33.701.979.732	55.659.887.501	535.869.305	18.191.384.363	18.251.808.297
- Thuế thu nhập cá nhân	217.588.603	790.948.580	12.800.035.412	12.805.262.788	9.254.273	239.225.578	816.612.452
- Thuế tài nguyên	-	19.522.400	462.780.400	469.204.400	-	-	13.098.400
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	267.727.149	9.126	6.587.464.284	6.587.473.410	-	267.727.149	-
- Các khoản phải nộp khác	-	1.842.909.472	2.700.940.952	2.860.236.416	91.394.470	-	1.775.008.478
	<b>21.485.231.495</b>	<b>47.852.068.363</b>	<b>117.064.902.223</b>	<b>140.046.668.609</b>	<b>643.279.666</b>	<b>18.698.337.090</b>	<b>25.064.591.894</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	-	96.261.398
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán <sup>(1)</sup>	125.432.958.852	125.432.958.852
- Chi phí trích trước giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp <sup>(2)</sup>	379.584.911.450	388.737.725.041
- Thuồng và lương tháng 13	2.360.029.875	2.807.882.711
- Chi phí phải trả khác	5.999.676.510	9.225.360.200
	<b>513.377.576.687</b>	<b>526.300.188.202</b>

<sup>(1)</sup> Đây là các khoản trích trước chi phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng tại dự án Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương lũy kế từ trước giai đoạn cổ phần hóa. Trong giai đoạn cổ phần hóa, Tổng Công ty đã bàn giao Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương với diện tích lần lượt là 1.723.267,4 ha và 1.888.953,2 ha cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương tiếp tục quản lý và khai thác dự án theo chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị chi phí trích trước còn lại tại thời điểm 31/12/2024 tương ứng với khối lượng còn lại Tổng Công ty phải thực hiện.

<sup>(2)</sup> Số dư chi phí trích trước giá vốn tương ứng với diện tích đã cho thuê tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade.

**22 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	727.953.586	770.912.646
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	27.465.745.616	25.429.758.010
Lợi nhuận trong giai đoạn trước cổ phần hóa phải nộp Ngân sách Nhà nước	477.609.089.447	477.609.089.447
Cổ tức phải trả	41.933.000	16.436.368
Phải trả tiền lãi vay	-	61.369.863
Phải trả các cá nhân liên quan bản án <sup>(1)</sup>	128.356.296.604	128.356.296.604
Phải trả khác	3.197.608.274	1.780.066.738
	<b>637.398.626.527</b>	<b>634.023.929.676</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận trước tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu An Tây <sup>(2)</sup>	56.666.666.667	56.666.666.667
Các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	22.204.469.012	20.098.672.324
	<b>78.871.135.679</b>	<b>76.765.338.991</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Tỉnh ủy Bình Dương	477.609.089.447	477.609.089.447
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	-	99.910.320
	<b>477.609.089.447</b>	<b>477.708.999.767</b>

<sup>(1)</sup> Khoản phải trả các cá nhân có liên quan đến Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, đây là số tiền các cá nhân nộp cho Tổng Công ty để khắc phục hậu quả và được Cục thi hành án Hà Nội khấu trừ vào nghĩa vụ của Tổng Công ty. Thông tin chi tiết tại thuyết minh 41c.

<sup>(2)</sup> Các khoản tiền nhận trước của hộ dân mua đất tại khu tái định cư thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây. Theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Tổng Công ty, toàn bộ khu đất thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây và khu tái định cư sẽ bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương, một đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị bàn giao bao gồm cả phần đất đã nhận trước của các hộ dân này. Tuy nhiên tại thời điểm bàn giao, Tổng Công ty đã tiến hành nộp các hồ sơ thủ tục giao đất cho Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để thực hiện tách sổ cho từng hộ dân, do đó Tổng Công ty tạm thời chưa thực hiện bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương. Sau khi các thủ tục tách sổ hoàn tất, Tổng Công ty sẽ bàn giao toàn bộ hồ sơ có liên quan trong đó bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trình bày tại Thuyết minh số 11 với số tiền 65,385 tỷ VND, tiền nhận trước ghi nhận trên khoản mục "Phải trả dài hạn khác" số tiền 56,67 tỷ VND và toàn bộ các nội dung này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa với Tỉnh ủy Bình Dương.



23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Vốn khác của Chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000.000		11.949.349.305		(35.469.525.274)		(139.410.416.402)		55.367.268.821		815.894.014.217		417.911.705.891		4.126.242.396.558	
Lãi trong năm trước	-		-		-		-		-		103.621.125.313		14.889.285.653		118.510.410.966	
Chia cổ tức trong năm	-		-		-		-		-		(150.000.000.000)		-		(150.000.000.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-		-		-		-		8.336.271.145		(8.336.271.145)		-		-	
Tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị,	-		-		-		-		-		(1.900.800.000)		-		(1.900.800.000)	
Ban Kiểm soát năm 2022	-		-		-		-		-		(1.296.000.000)		-		(1.296.000.000)	
Trích thù lao Hội đồng Quản trị,	-		-		-		-		-		(486.000.000)		-		(486.000.000)	
Ban Kiểm soát năm 2021	-		-		-		-		-		-		-		-	
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-		-		-		-		-		-		-		-	
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		-		(8.336.271.145)		-		(8.336.271.145)	
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-		-		-		(36.939.478.031)		-		-		(41.151.573.646)		(78.091.051.677)	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-		-		-		-		-		(23.471.789.666)		-		(23.471.789.666)	
Số dư cuối năm trước	3.000.000.000.000		11.949.349.305		(35.469.525.274)		(176.349.894.433)		63.703.539.966		725.688.007.574		391.649.417.898		3.981.170.895.036	
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000		11.949.349.305		(35.469.525.274)		(176.349.894.433)		63.703.539.966		725.688.007.574		391.649.417.898		3.981.170.895.036	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		-		79.251.720.741		45.385.592.301		124.637.313.042	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-		-		-		-		4.099.776.761		(4.099.776.761)		-		-	
Chia cổ tức (*)	-		-		-		-		-		(90.000.000.000)		-		(90.000.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-		-		-		-		-		(3.463.270.333)		(751.624.132)		(4.214.894.465)	
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT (*)	-		-		-		-		-		(1.296.000.000)		-		(1.296.000.000)	
Giảm khác	-		-		-		-		-		(22.748.089.019)		(1.029.000.000)		(23.777.089.019)	
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-		-		-		-		-		(216.000.000)		-		(216.000.000)	
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-		-		-		12.518.994.354		-		-		8.152.930.680		20.671.925.034	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-		-		-		-		-		(21.694.634.088)		-		(21.694.634.088)	
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000		11.949.349.305		(35.469.525.274)		(163.830.900.079)		67.803.316.727		661.421.958.114		443.407.316.747		3.985.281.515.540	



(\*) Theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2024, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ (1)		Các công ty con phân phối cho		Công (3) = (1) + (2)	Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2024
	VND	VND	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát (2)	VND	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.653.521.599	1.446.255.162		-	2.653.521.599	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.653.521.599	809.748.734		751.624.132	3.405.145.731	-
Trích thù lao HĐQT, BKS, Thư ký	1.296.000.000	-		-	1.296.000.000	-
Trích quỹ thưởng ban điều hành	162.000.000	-		-	162.000.000	54.000.000
Chi trả cổ tức	90.000.000.000	-		-	90.000.000.000	-



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	60,98	1.829.274.000.000	60,98	1.829.274.000.000
Công ty Cổ phần SAM Holdings	8,00	240.000.000.000	8,00	240.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	6,00	180.000.000.000	6,00	180.000.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	5,00	150.000.000.000	5,00	150.000.000.000
Cổ đông khác	20,02	600.726.000.000	20,02	600.726.000.000
	<b>100</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>3.000.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	477.625.525.815	443.314.000.314
+ Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (*)	477.609.089.447	443.297.563.946
+ Cổ tức phải trả cổ đông	16.436.368	16.436.368
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	90.000.000.000	184.311.525.501
+ Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (*)	-	34.311.525.501
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	90.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	89.974.503.368	150.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	477.651.022.447	477.625.525.815
+ Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (*)	477.609.089.447	477.609.089.447
+ Cổ tức phải trả cổ đông	41.933.000	16.436.368

(\*) Lợi nhuận trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần phải nộp về Ngân sách Nhà nước.

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.		

**e) Các quỹ của Tổng Công ty**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	67.803.316.727	63.703.539.966
	<b>67.803.316.727</b>	<b>63.703.539.966</b>



24 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	(176.349.894.433)	(139.410.416.402)
Số tăng trong năm	12.518.994.354	-
- Do chuyển đổi báo cáo tài chính	12.518.994.354	-
Số giảm trong năm	-	(36.939.478.031)
- Do chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang VND	-	(36.939.478.031)
Số dư cuối năm	(163.830.900.079)	(176.349.894.433)

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số A128, đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm văn phòng Tổng Công ty và xí nghiệp. Diện tích khu đất thuê là 15.782,3 m2. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của hợp đồng thuê.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Các tài sản thuộc danh mục phải bàn giao về Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH Một thành viên. Chi tiết như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu	5.453.253.100	5.453.253.100
- Quyền sử dụng đất tại xã An Tây, huyện Bến Cát	1.743.153.742	1.743.153.742
- Khu tái định cư Gò Chai	52.920.317.344	52.920.317.344
- Khu tái định cư An Tây	26.726.901.367	26.726.901.367
	86.843.625.553	86.843.625.553

Tại thời điểm 31/12/2024, một số tài sản thuộc danh mục cần thanh lý theo phương án cổ phần hóa nhưng chưa thanh lý được, Tổng Công ty đã ghi nhận giảm trên sổ kế toán, chuyển sang theo dõi ngoài bảng và đang đề nghị Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt chủ trương bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí đầu tư khu phức hợp Bình Dương Riverside	3.034.989.090	3.034.989.090
- Chi phí đầu tư khác	406.818.182	406.818.182
	3.441.807.272	3.441.807.272

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ (USD)	2.176.379,30	1.872.703,85



**26 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa  
Doanh thu cung cấp dịch vụ  
Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Năm 2024	Năm 2023
VND	VND
605.978.363.774	651.443.443.461
291.608.381.758	270.571.796.140
91.038.706.827	236.018.285.200
<b>988.625.452.359</b>	<b>1.158.033.524.801</b>
<b>3.997.788.786</b>	<b>4.049.361.095</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

**27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Chiết khấu thương mại

Năm 2024	Năm 2023
VND	VND
1.434.514.231	1.578.339.946
<b>1.434.514.231</b>	<b>1.578.339.946</b>

**28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa đã bán  
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp  
Giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp  
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho

Năm 2024	Năm 2023
VND	VND
454.695.634.032	550.720.956.452
208.773.791.364	199.114.991.499
24.718.030.153	46.999.357.341
(844.992.101)	1.151.153.952
<b>687.342.463.448</b>	<b>797.986.459.244</b>

**29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay  
Cổ tức, lợi nhuận được chia  
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm  
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm  
Doanh thu hoạt động tài chính khác

Năm 2024	Năm 2023
VND	VND
30.979.135.749	37.929.785.072
267.424.263	405.737.625
7.507.482.366	10.139.454.360
2.888.091.544	162.256.005
351.301	-
<b>41.642.485.223</b>	<b>48.637.233.062</b>

**30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí lãi vay  
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm  
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm

Năm 2024	Năm 2023
VND	VND
3.026.302.566	10.862.555.725
1.687.039.746	10.660.508.293
3.761.979.152	690.592.405
<b>8.475.321.464</b>	<b>22.213.656.423</b>



### 31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.277.206	147.869.184
Chi phí nhân công	10.278.518.392	9.737.994.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	648.839.999	232.419.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.237.540.002	24.820.764.592
Chi phí môi giới bán hàng	2.234.535.243	5.535.270.927
Chi phí khác bằng tiền	3.256.866.579	2.581.432.720
	<b>34.997.577.421</b>	<b>43.055.752.075</b>

### 32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.179.049.342	1.282.969.498
Chi phí nhân công	64.799.652.551	69.176.320.518
Hoàn nhập chi phí nhân công năm trước	-	(10.446.320.761)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.568.224.619	8.292.647.201
Thuế, phí, lệ phí	1.668.129.886	2.672.768.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.241.822.905	25.832.418.624
Chi phí khác bằng tiền	34.753.505.328	24.814.124.505
Chi phí dự phòng (*)	77.483.265.473	121.510.749.220
Lợi thế kinh doanh phân bổ	20.182.571.208	24.049.460.987
	<b>236.876.221.312</b>	<b>267.185.138.082</b>
	<b>3.750.490.594</b>	<b>4.214.478.815</b>

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 46)

(\*) Bao gồm số dự phòng cho khoản phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa (được trình bày tại thuyết minh số 8), số được trích trong năm nay là 70,68 tỷ VND theo chủ trương đã được Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023.

### 33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.925.424.944	841.045.753
Thu nhập từ lãi chậm thanh toán	3.915.752.364	329.779.656
Thu nhập khác	3.157.499.557	4.049.928.436
	<b>9.998.676.865</b>	<b>5.220.753.845</b>

### 34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản phạt	362.106.430	553.815.046
Xuất kho vật tư thanh lý	1.238.587.848	-
Chi phí từ lãi trả chậm	-	1.037.395.459
Chi phí khác	1.005.528.947	131.357.644
	<b>2.606.223.225</b>	<b>1.722.568.149</b>



**35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	33.701.979.733	45.256.337.549
+ Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	470.626.725	298.033.081
+ Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	5.457.273.163	4.422.713.061
+ Công ty TNHH Sân Golf Palm Sóng Bé	18.040.602.058	37.361.247.493
+ Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	9.733.477.787	3.174.343.914
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>33.701.979.733</b>	<b>45.256.337.549</b>

**36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế đã được ghi nhận từ các năm trước	210.402.696.982	222.070.782.627
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế năm nay	15.830.430.106	12.026.943.567
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(18.800.406.415)	(8.474.943.651)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng giá trị đánh giá lại tài sản đã thực hiện trong năm	(5.423.658.522)	(5.867.947.417)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>202.009.062.151</b>	<b>219.754.835.126</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	6.478.291.962	12.026.943.567
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(18.800.406.415)	(8.474.943.651)
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(12.322.114.453)</b>	<b>3.551.999.916</b>

**37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	79.251.720.741	103.621.125.313
Các khoản điều chỉnh	7.132.654.867	5.181.056.266
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	7.132.654.867	5.181.056.266
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	72.119.065.874	98.440.069.047
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	300.000.000	300.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>240</b>	<b>328</b>



Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khen thưởng Ban điều hành dự kiến trích lập với tỷ lệ 9% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 38 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	121.435.561.851	151.689.294.176
Chi phí nhân công	238.795.452.942	199.430.411.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.062.867.954	99.551.538.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.594.182.406	152.049.077.577
Chi phí khác bằng tiền	69.835.570.208	68.077.184.421
Giá vốn cho thuê đất khu công nghiệp	24.718.030.153	46.999.357.341
Chi phí dự phòng	85.334.308.291	120.163.191.856
	<b>764.775.973.805</b>	<b>837.960.055.550</b>

### 39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể phải gặp bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền, các khoản tương đương tiền	348.823.768.931	-	-	348.823.768.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	357.281.720.765	890.917.028.663	-	1.248.198.749.428
Các khoản cho vay	697.511.796.703	9.896.049.652	-	707.407.846.355
	<b>1.403.617.286.399</b>	<b>900.813.078.315</b>	<b>-</b>	<b>2.304.430.364.714</b>



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền, các khoản tương đương tiền	541.913.557.524	-	-	541.913.557.524
Phải thu khách hàng, phải thu khác	515.202.854.663	961.593.678.760	-	1.476.796.533.423
Các khoản cho vay	437.862.844.993	9.896.049.652	-	447.758.894.645
	<b>1.494.979.257.180</b>	<b>971.489.728.412</b>	<b>-</b>	<b>2.466.468.985.592</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	662.752.583.433	78.871.135.679	-	741.623.719.112
Chi phí phải trả	513.377.576.687	-	-	513.377.576.687
	<b>1.176.130.160.120</b>	<b>78.871.135.679</b>	<b>-</b>	<b>1.255.001.295.799</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	202.654.532.834	-	-	202.654.532.834
Phải trả người bán, phải trả khác	652.243.205.850	76.765.338.991	-	729.008.544.841
Chi phí phải trả	526.300.188.202	-	-	526.300.188.202
	<b>1.381.197.926.886</b>	<b>76.765.338.991</b>	<b>-</b>	<b>1.457.963.265.877</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	66.572.691.765	492.677.179.442
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	269.227.224.599	418.213.490.337



#### 41 . THÔNG TIN KHÁC

##### a) Thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43 ha

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, nay là Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, đã chuyển nhượng khu đất với tổng diện tích 43 ha tại Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô Thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú ("Công ty Tân Phú"), là công ty được thành lập theo Hợp đồng thỏa thuận thành lập liên doanh ngày 01/07/2010 giữa Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương (vốn góp 30%) và Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc ("Công ty Âu Lạc") (vốn góp 70%) để thực hiện đầu tư dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ tại khu đất nêu trên.

Đơn giá chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 581.653 VND/m<sup>2</sup>, tổng giá trị chuyển nhượng là 250.110.964.496 VND. Đơn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Tổng Công ty căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng liên doanh với Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc, lợi nhuận từ giao dịch nêu trên với giá trị 153,629 tỷ VND đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước trước khi cổ phần hóa.

Vào năm 2017, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 30% phần vốn của Tổng Công ty trong Công ty Tân Phú cho Công ty Âu Lạc, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đã được ghi nhận vào giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Căn cứ vào biên bản làm việc của Thanh tra tỉnh Bình Dương trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP đã quyết nghị thông qua việc thống nhất xử lý các vấn đề liên quan đến chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43 ha và chuyển nhượng phần vốn góp 30% tại Công ty Tân Phú của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 15/11/2019. Theo đó:

##### + Về chuyển nhượng khu đất 43 ha

Trước tiên, Tổng Công ty xác định lại giá chuyển nhượng khu đất theo bảng giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm Tổng Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng khu đất cho Công ty Tân Phú. Sau khi UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt lựa chọn đơn vị thẩm định giá độc lập để định giá lại giá trị khu đất dịch vụ 43 ha theo giá thị trường tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, Tổng Công ty cam kết sẽ tiếp tục xử lý nếu giá của đơn vị thẩm định giá độc lập cao hơn giá ban hành của UBND tỉnh tại thời điểm Tổng Công ty chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú.

- Giá trị khu đất 43 ha chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 250.110.964.496 VND;
- Giá trị khu đất 43 ha xác định lại theo giá do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm chuyển nhượng theo Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 là 375.805.853.921 VND, tương ứng đơn giá 873.967 VND/m<sup>2</sup>;
- Giá trị chênh lệch là 125.694.889.425 VND được Tổng Công ty thực hiện như sau: Tổng Công ty sẽ thỏa thuận với Công ty Tân Phú để thu hồi phần chênh lệch tương ứng tỷ lệ 70% phần giá trị tăng thêm cho hợp đồng chuyển nhượng như sau:

Nội dung	Số tiền
	VND
- Số tiền Tổng Công ty góp tương ứng 30% vốn điều lệ	37.708.466.828
- Số tiền Công ty Âu Lạc góp tương ứng 70% vốn điều lệ	87.986.422.597
<b>Cộng</b>	<b>125.694.889.425</b>

Tổng Công ty đã tạm nộp toàn bộ số tiền chênh lệch nêu trên vào tài khoản của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2019. Trong đó phần tương ứng 30% của Tổng Công ty đã được Tỉnh ủy xác nhận giảm trừ công nợ phải trả khác, phần còn lại tương ứng với 70% Tổng Công ty theo dõi phải thu Công ty Tân Phú tại thuyết minh số 08 với số dư đến thời điểm 01/01/2023 là 87,986 tỷ VND.



Trong năm, số tiền 125,69 tỷ VND Tổng Công ty đã tạm nộp nêu trên được Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội xác nhận được khấu trừ để thực hiện nghĩa vụ của Tổng Công ty về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Do đó Tổng Công ty đã điều chỉnh điều chỉnh tăng lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước với số tiền là 37,71 tỷ VND (chi tiết tại thuyết minh số 20) và chuyển sang theo dõi tổng thể tại khoản mục "Phải thu khác" - Phải thu các khoản tạm nộp chờ quyết toán cổ phần hóa, riêng số dư phải thu Công ty Tân Phú với số tiền là 87,99 tỷ VND vẫn tiếp tục theo dõi tại khoản mục "Phải thu khác" để thu hồi (chi tiết tại thuyết minh số 08).

Hiện tại, số liệu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Do đó các nội dung nêu trên có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

**b) Thông tin góp vốn và tiền lãi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành**

Năm 2007, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV ("Protrade") thực hiện góp vốn liên doanh với các bên nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), mục đích đầu tư và kinh doanh một khu phức hợp có tên là "Câu lạc bộ sân golf và Khu nghỉ dưỡng Đảo Hồ Diệp", bao gồm một sân golf 18 lỗ, câu lạc bộ giải trí, khu căn hộ cao tầng, khu nhà ở cao cấp và khu thương mại. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000225 ngày 02/11/2007, tổng vốn đầu tư của 3 cổ đông sáng lập là 30 triệu USD, cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	USD	VND	Phương thức góp vốn	
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	9.000.000	144.000.000.000	Quyền sử dụng đất	(1)
IC Corporation	6.300.000	100.800.000.000	Tiền mặt	(2)
K Source Solutions	14.700.000	235.200.000.000	Tiền mặt	(2)
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>480.000.000.000</b>		

(1) Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV tính đến trước thời điểm cấp giấy chứng nhận thay đổi lần 1 vào ngày 20/04/2011 chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào Tân Thành bằng các quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 1.450.101,8 m<sup>2</sup>.

(2) Hai cổ đông nước ngoài này đã góp trong năm 2007 là 5.200.000 USD trong đó IC Corporation góp 4.200.000 USD và K Source góp 1.000.000 USD và đến năm 2011 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp vốn theo hợp đồng liên doanh.

Trong năm 2011, 02 cổ đông sáng lập bên liên doanh nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd đã chuyển nhượng lại phần vốn đã góp cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát Triển theo hợp đồng chuyển nhượng vốn và góp thay vốn ngày 24 tháng 2 năm 2011. Cụ thể, Công ty Cổ phần Hưng Vượng nhận chuyển nhượng 4.200.000 USD từ IC Corporation, tương đương với 14% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 7.200.000 USD tương đương 24% vốn điều lệ của Tân Thành. Công ty TNHH Phát Triển nhận chuyển nhượng 1.000.000 USD từ K Source Co., Ltd, tương đương với 3,33% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 8.600.000 USD tương đương 28,67% vốn điều lệ của Tân Thành.

Phương thức thanh toán chuyển nhượng: Theo biên bản thỏa thuận ngày 10/06/2011, các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành làm trung gian chuyển trả cho hai đối tác nước ngoài nêu trên hộ Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát Triển. Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát Triển sẽ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011, chuyển đổi từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành doanh nghiệp 100% vốn trong nước. Trong đó, số vốn góp theo cam kết theo giấy chứng nhận đầu tư của Protrade là 144 tỷ VND bằng quyền sử dụng đất, Công ty Cổ phần Hưng Vượng là 182,4 tỷ VND bằng tiền mặt tương đương 11,4 triệu USD và Công ty TNHH Phát Triển là 153,6 tỷ VND bằng tiền mặt tương đương 9,6 triệu USD.



Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000680 ngày 20 tháng 4 năm 2011 thì phần vốn góp của Protrade là 144 tỷ VND bằng quyền sử dụng đất. Trong năm 2011, Protrade đã chuyển 144 tỷ VND cho Tân Thành nhằm hỗ trợ vốn trong giai đoạn đầu mới thành lập tuy nhiên ghi nhận vào vốn góp. Trong năm 2017, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành quyết nghị thông qua việc xác nhận góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất của Protrade, nghĩa vụ góp vốn bằng quyền sử dụng đất được thực hiện xuyên suốt từ khi thành lập, theo đó phần tiền Protrade đã chuyển ghi nhận vào vốn góp trước đây được Tân Thành chuyển thành khoản phải trả cho Protrade.

Ngày 09/06/2017, Protrade và Tân Thành đã ký Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, theo đó khu đất góp vốn là các quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 1.450.101,8 m<sup>2</sup> được các bên thống nhất xác định là 139,209 tỷ VND. Số vốn còn thiếu so với cam kết là 4,79 tỷ VND được Protrade góp bổ sung dưới hình thức cản trở công nợ. Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán lại số vốn góp 144 tỷ VND trước đây Protrade đã góp bằng tiền và đã thanh toán trong năm 2018. Trong năm 2019, căn cứ theo thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01/11/2019, Protrade và Tân Thành thống nhất việc xác định lãi vay bổ sung số tiền 115,884 tỷ VND cho khoản tiền 144 tỷ VND, là số tiền được các bên xác định là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành để đối ứng vốn hoạt động, tính từ thời điểm chuyển tiền ngày 24/05/2011 đến thời điểm hoàn thành thanh toán ngày 20/09/2018. Khoản lãi vay bổ sung nêu trên được xác định là khoản lợi nhuận tăng thêm của giai đoạn trước khi cổ phần hóa và nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước. Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ khoản tiền lãi nêu trên cho Tổng Công ty chậm nhất đến thời điểm 31/12/2022. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản nợ này.

Hiện tại, số liệu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được chủ sở hữu phê duyệt quyết toán. Do vậy, khoản lãi vay bổ sung nêu trên có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương thu hồi khu đất 145 ha thuộc phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để giao cho Tỉnh ủy Bình Dương quản lý, sử dụng theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, Tòa án cũng ghi nhận đề xuất của Tỉnh ủy Bình Dương về việc mua lại cổ phần của Công ty Tân Thành từ các cổ đông hiện hữu theo giá trị sổ sách để chuyển thành Công ty 100% vốn thuộc sở hữu của Tỉnh ủy Bình Dương. Hiện tại Tỉnh Ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đang làm việc với các bên có liên quan để giải quyết nội dung nêu trên trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan trong quá trình xử lý khu đất 145ha.



**c) Thông tin tạm nộp bổ sung tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp tương ứng**

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017 của Kiểm toán Nhà Nước khu vực IV; Căn cứ theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động đối với Tổng Công ty. Các nghĩa vụ Tổng Công ty phải nộp và tình hình thực hiện như sau:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	VND	
1. Tổng số tiền Tổng Công ty phải nộp	1.060.224.751.454	
+ Tiền sử dụng đất bổ sung khu đất 43 ha và 145 ha	761.078.561.949	Theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội.
+ Tiền phạt chậm nộp	299.146.189.505	
- Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	286.690.160.693	Theo Thông báo số 16592/TB-CTBDU ngày 01/11/2021 của Cục thuế Bình Dương.
- Phạt chậm nộp thi hành án	12.456.028.812	Thông báo số 2278/CTHADS ngày 10/04/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.
2. Tổng số tiền Tổng Công ty đã thực hiện	1.060.224.751.454	
+ Số nộp bằng tiền	806.173.565.425	
+ Số đã tạm nộp được khấu trừ	125.694.889.425	Thông tin chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 41a.
+ Số tiền các cá nhân có liên quan nộp khắc phục hậu quả được khấu trừ vào nghĩa vụ của Tổng Công ty	128.356.296.604	
3. Số tiền còn phải nộp tại 31/12/2024	-	

Đối với các lô đất khác, theo Bản án sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án đề nghị Cục thuế Bình Dương xác định và truy thu bổ sung tiền sử dụng đất đối với các khu đất khác đã cấp cho Tổng Công ty (không bao gồm khu đất 43 ha và 145 ha nêu trên) theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty sẽ ghi nhận bổ sung sau khi có thông báo chính thức của cơ quan Thuế.

Theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, tổng số tiền 1.060,22 tỷ VND Tổng Công ty phải nộp nêu trên liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Hiện tại Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, do đó để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty quyết nghị thông qua việc ghi nhận khoản phải thu số tiền Tổng Công ty tạm nộp nêu trên để chờ xử lý khi có kết quả quyết toán cổ phần hóa chính thức. Đồng thời quyết nghị định kỳ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty sẽ trích lập khoản dự phòng khoản phải thu này trên nguyên tắc phân bổ cho khoảng 15 năm, bắt đầu từ năm 2023 để tránh biến động kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần trong trường hợp khoản phải thu này không được cơ quan có thẩm quyền quyết toán đưa vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa. Trường hợp theo kết quả quyết toán cổ phần hóa mà tổng số tiền Tổng Công ty đã tạm nộp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận ghi nhận vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ xử lý hoàn nhập lại số dự phòng đã trích tương ứng.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số tiền Tổng Công ty đã tạm nộp ghi nhận phải thu khác là 1.060.224.751.454 VND (thuyết minh số 08). Số dự phòng đã trích lập lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 141.363.300.194 VND, trong đó số dự phòng ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay là 70.681.650.097 VND (thuyết minh số 32).



**42 . THÔNG TIN CHUYỂN GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, CÔNG TY CỔ PHẦN AN BÌNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN U&I TRƯỚC GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA**

**a) Thông tin hủy hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty TNHH Phát Triển**

Trong năm 2016, căn cứ chủ trương của Tỉnh Ủy Bình Dương về việc chấp thuận chuyển giao, thu hồi và cho thuê đất theo công văn số 349/CV/TU ngày 30/06/2016. Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 và phụ lục số 01 ngày 25/05/2016 với Công ty TNHH Phát Triển ("Phát Triển"), theo đó Tổng Công ty chuyển giao cho Phát Triển khu đất có diện tích 83.852,1 m<sup>2</sup> tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị bồi thường là 97.727.400.000 VND.

Ngày 24/10/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 về việc thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý và cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê. Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán cho Tổng Công ty với số tiền 30 tỷ VND, số phải thu còn lại 67,727 tỷ VND sẽ được thanh toán sau khi Công ty TNHH Phát Triển được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi nhuận từ giao dịch nêu trên đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Mặc dù đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp quyết định cho thuê đất, tuy nhiên đến thời điểm tháng 10 năm 2019 thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Phát Triển vẫn chưa hoàn thành. Do đó, ngày 28/10/2019, Công ty TNHH Phát Triển có văn bản số 14/2019/CV-PT đề nghị Tổng Công ty hủy bỏ toàn bộ hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 vì lý do chậm trễ trong thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như cam kết. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành nghị quyết số 13B/NQ-HĐQT ngày 04/11/2019 phê duyệt chủ trương hủy hợp đồng với Công ty TNHH Phát Triển.

Ngày 04/11/2019, Tổng Công ty và Công ty TNHH Phát Triển đã ký Biên bản hủy hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3381/QĐ-UBND về việc thu hồi lại các quyết định đã cấp liên quan đến việc cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất dưới hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một.

Ngày 10/12/2019, Tổng Công ty đã hoàn trả toàn bộ số tiền 30 tỷ VND mà Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán để thực hiện hợp đồng và phụ lục. Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh và khoản lợi nhuận 70,919 tỷ VND đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố giảm khoản lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Đối với các khoản thuế được điều chỉnh hồi tố theo các nội dung nêu trên, bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền lần lượt là 8,83 tỷ VND và 17,73 tỷ VND. Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn thực hiện điều chỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cục thuế tỉnh Bình Dương chưa có văn bản trả lời chính thức.

**b) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình**

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016 với Công ty Cổ phần An Bình ("An Bình"). Ngày 25/08/2016, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Công văn số 457-CV/TU về đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho An Bình để làm dịch vụ kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tổng Công ty đã ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến giao dịch này trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang theo dõi một khoản phải thu Công ty Cổ phần An Bình với số tiền 60 tỷ VND, thời hạn thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển giao đất của cơ quan có thẩm quyền, xem chi tiết tại Thuyết minh số 05.



Tuy nhiên vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

**c) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I**

Trong năm 2016, Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Thông báo số 45-TB/TU ngày 04/03/2016 về việc thống nhất chủ trương cho phép Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV chuyển giao diện tích đất trong dự án Khu quy hoạch Gò Chai. Đây là dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương giao cho Tổng Công ty làm chủ đầu tư theo văn bản số 5653/UBND-SX ngày 24/12/2007.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV (Bên A) đã ký hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016/HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016 với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I (Bên B). Theo đó Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B toàn bộ phần diện tích đất Bên A đã đền bù cho các hộ dân thuộc dự án Khu quy hoạch Gò Chai tại phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 236.403,18 m<sup>2</sup> và Bên B hoàn trả lại cho Bên A chi phí đã bồi thường. Đối với diện tích đất Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B nêu trên, Bên B sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo mục đích sử dụng đất của dự án. Về việc chuyển giao đất, Tổng Công ty sẽ bàn giao thực địa cho Bên B khi nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau đó hai bên đã ký phụ lục hợp đồng số 02/2018/PLHĐCGĐ trong tháng 04 năm 2018 về việc sẽ tiến hành bàn giao đất ngoài thực địa theo hồ sơ đã bồi thường và bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng xác lập và cung cấp hồ sơ pháp lý đầy đủ cho Bên B, riêng điều khoản thanh toán sẽ được các bên thỏa thuận sau.

Tổng Công ty đã ghi nhận các giao dịch từ việc chuyển giao khu đất vào giai đoạn trước cổ phần hóa bao gồm doanh thu 236,4 tỷ VND, giá vốn 39,245 tỷ VND và lợi nhuận là 197,157 tỷ VND. Số tiền đã thu được là 53,47 tỷ VND và ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I tính đến thời điểm 01/01/2022 là 204,512 tỷ VND.

Do các thủ tục để bàn giao khu đất không thực hiện được, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 05/05/2020 về việc thông qua chủ trương sẽ thực hiện hủy hợp đồng chuyển giao đất với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I và hoàn trả lại tiền mà Công ty U&I đã thanh toán. Ngày 11/11/2021, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 265-TB/TU về việc thống nhất thu hồi chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao diện tích 236.403,18 m<sup>2</sup> đất đã được đền bù trong dự án Khu quy hoạch Gò Chai và cho Tổng Công ty được hủy hợp đồng chuyển giao đất với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I. Sau khi thu hồi, giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tiếp nhận và thực hiện các trình tự thủ tục đầu tư dự án trên khu đất. Ngày 20/06/2022, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã có biên bản thống nhất ý kiến xử lý các vấn đề liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển giao số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016.

Ngày 22/06/2022, Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã bàn giao hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án Khu dân cư đô thị Gò Chai cho Tổng Công ty theo Biên bản số 03/BB-TCTY. Ngày 01/07/2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT về việc thống nhất cho Tổng Công ty tiến hành thủ tục xử lý các vấn đề liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển giao đất và sử dụng nguồn tài chính của công ty cổ phần để hoàn trả số tiền 53.473.519.613 VND cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I và sẽ quyết toán số tiền trên với Tỉnh ủy Bình Dương khi quyết toán bàn giao công ty cổ phần trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng Công ty và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 21/07/2022, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển giao đất. Theo đó, các bên thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng này không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận. Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã hoàn trả toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến toàn bộ phần diện tích 236.403,18 m<sup>2</sup> đã tiếp nhận từ Tổng Công ty thuộc dự án Khu dân cư đô thị Gò Chai. Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số tiền 53.473.519.613 VND mà Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng chuyển giao đất.



Ngày 01/08/2022, Tổng Công ty đã hoàn trả toàn bộ số tiền 53.473.519.613 VND theo hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016. Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được Tổng Công ty xử lý như sau:

- Ghi nhận giảm khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I với số tiền là 204.512.681.143 VND;
- Ghi nhận giá trị lũy kế chi phí đầu tư khu đất trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 40.038.834.627 VND, chi tiết tại thuyết minh số 11;
- Khoản lợi nhuận 197,16 tỷ VND từ việc chuyển giao đất đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận giảm khoản lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước và có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa;
- Ghi nhận khoản phải thu hoàn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp là 61.014.602.231 VND, trong đó bao gồm thuế giá trị gia tăng với số tiền 21.583.020.756 VND và thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 39.431.581.475 VND, chi tiết tại thuyết minh số 08. Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn thực hiện điều chỉnh. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cục thuế tỉnh Bình Dương chưa có văn bản trả lời chính thức.

Hiện tại việc hủy hợp đồng nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện, các nghĩa vụ liên quan sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa.

#### **43 . THÔNG TIN QUYẾT TOÁN SỐ LIỆU TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN**

Căn cứ vào Biên bản thẩm tra ngày 26/07/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, cơ quan chủ quản là Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 216-TB/VPTU ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Trong đó một số nội dung chưa thống nhất sẽ được Tổng Công ty tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, nếu có thay đổi sẽ được xem xét điều chỉnh vào giá trị khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

Theo phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt theo Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương sẽ là đơn vị có thẩm quyền phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Tỉnh ủy Bình Dương đã có Công văn số 2433-CV/VPTU ngày 31/07/2020 đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đang lấy ý kiến tham mưu của các sở ngành liên quan và vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

#### **44 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



45 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	889.912.942.501	91.038.706.827	6.239.288.800	987.190.938.128	987.190.938.128
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	234.738.590.558	66.320.676.674	(1.210.792.552)	299.848.474.680	299.848.474.680
Tổng chi phí mua TSCĐ	9.965.518.169	11.597.706.637	-	21.563.224.806	21.563.224.806
Tài sản bộ phận	4.344.465.248.580	1.146.232.221.006	81.065.864.067	5.571.763.333.653	5.571.763.333.653
Tổng tài sản	4.344.465.248.580	1.146.232.221.006	81.065.864.067	5.571.763.333.653	5.571.763.333.653
Nợ phải trả của các bộ phận	923.032.480.870	448.777.770.463	12.662.504.629	1.384.472.755.962	1.384.472.755.962
Nợ phải trả không phân bổ				202.009.062.151	202.009.062.151
Tổng nợ phải trả	923.032.480.870	448.777.770.463	12.662.504.629	1.586.481.818.113	1.586.481.818.113

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu tại Việt Nam, doanh thu của Tổng Công ty tại Vương quốc Campuchia chiếm tỷ trọng thấp. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính đã được trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.



#### 46 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh ở trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>3.997.788.786</b>	<b>4.049.361.095</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	3.008.872.728	2.992.319.000
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	308.322.782	586.346.176
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	598.297.826	389.958.699
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	-	20.820.543
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	12.126.932	8.802.420
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	70.168.518	51.114.257
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>3.750.490.594</b>	<b>4.214.478.815</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	405.011.275	247.096.172
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	472.258.042	1.177.847.422
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	2.873.221.277	2.789.535.221
<b>Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>43.078.545.000</b>	<b>74.494.254.000</b>
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	13.500.000.000	39.000.000.000
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	29.578.545.000	35.494.254.000

#### Thế chấp tài sản

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, công ty liên kết của Tổng Công ty đã sử dụng tài sản của mình là các Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 594927, BO 594926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/08/2013 với tổng diện tích 624.059,8 m2 để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ("BIDV") theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02.01/2019/4486227/HĐBĐ ngày 28/05/2019. Theo Bản án số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương thu hồi khu đất 145 ha thuộc phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để giao cho Tỉnh ủy Bình Dương quản lý, sử dụng theo đúng quy định pháp luật. BIDV có trách nhiệm phải bàn giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất 145ha, bao gồm hai giấy chứng nhận nêu trên, cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc bàn giao chưa được thực hiện do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương chưa có quyết định thu hồi.



	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 01/03/2024) Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Đến ngày 29/02/2024)	1.220.111.111	1.161.476.570
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/03/2024) Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 29/02/2024)	980.111.111	945.476.570
Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT	140.111.111	321.476.570
Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT	140.111.111	321.476.570
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	140.111.111	321.476.570
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	140.111.111	321.476.570
Ông Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	138.037.681
Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 29/04/2024) Thành viên Ban kiểm soát (Đến ngày 28/04/2024)	140.111.111	259.148.504
Ông Lê Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát	140.111.111	309.483.150
Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên Ban kiểm soát	140.111.111	259.148.504
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Kế toán trưởng	672.000.000	488.400.000

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

#### 47 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Hồng Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Phụng

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Nghĩa